

Cô Tô, ngày 9 tháng 3 năm 2022



QUYẾT ĐỊNH

**Về chiến lược phát triển trường THPT Cô Tô
giai đoạn 2021-2026 tầm nhìn 2031**

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔ TÔ**

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định về việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ của cơ sở giáo dục công lập

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc công nhận Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 Trường THPT Cô Tô;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 đối với các trường trung học phổ thông công lập;

Căn cứ tờ trình số 49/TTr-THPTCT ngày 4/03/2022 về việc đề nghị ban hành: quyết định chiến lược phát triển trường THPT Cô Tô giai đoạn 2021-2026 tầm nhìn 2031; quy chế hoạt động; kế hoạch hoạt động Hội đồng trường Trường THPT Cô Tô, nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Biên bản họp Hội đồng trường trường THPT Cô Tô 4/03/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định về chiến lược phát triển trường THPT Cô Tô giai đoạn 2021-2026 tầm nhìn 2030 (chi tiết chiến lược kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này được Hội đồng trường THPT Cô Tô nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại cuộc họp ngày 4/03/2022.

Điều 3. Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường, lãnh đạo (c/đ);
- CB, GV, NV (t/h);
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hải Phòng
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CÔ TÔ**

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THPT CÔ TÔ
GIẢI ĐOẠN 2021 -2026 - TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2031

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-HĐT THPTCT ngày 9/3/2022
 Của Hội đồng trường trường THPT Cô Tô)*

CÁC CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, ngày 17/7/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
2. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ X, XI và Nghị quyết Đại hội Chi bộ trường THPT Cô Tô nhiệm kỳ 2020 – 2025 hướng tới Nghị quyết đại hội 2025-2030;
3. Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa;
4. Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
5. Căn cứ Nghị định số 46/2017/NĐ-CP, ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP, ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 46/2017/NĐ-CP, ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 127/2018/NĐ-CP, ngày 21/9/2018 của Chính phủ về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
6. Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của

Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

7. Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT, ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

8. Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

9. Căn cứ Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

10. Quyết định số 3898/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 huyện đảo Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050;

11. Kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Cô Tô giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2025;

13. Báo cáo đánh giá ngoài trường THPT Cô Tô đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2019.

PHẦN I. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG.

I. TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

Cô Tô là huyện đảo biên giới có vị trí chiến lược, đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng để làm cơ sở vạch đường cơ bản khi hoạch định đường biên giới trên biển của nước ta, là khu vực phòng thủ của tỉnh nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Quảng Ninh, cách đất liền khoảng 60 hải lý và tiếp giáp với huyện Vân Đồn. Được thành lập ngày 23/3/1994, trên cơ sở 02 xã Cô Tô và Thanh Lân thuộc huyện Cô Tô (nay là huyện Vân Đồn); Cô Tô gồm trên 50 đảo lớn nhỏ với tổng diện tích tự nhiên trên 47,2km², trong đó có ba đảo lớn: đảo Cô Tô, đảo Thanh Lân và đảo Trần. Diện tích đất nổi của huyện là 4750,75 ha. Trong đó, đảo Cô Tô lớn là 1.780ha, đảo Thanh Lân là 1.887 ha, đảo Trần là 512 ha, còn lại là các đảo diện tích nhỏ lẻ khác, gồm 02 xã và 01 thị trấn; dân số khoảng 6.200 người, gồm 07 dân tộc (Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chỉ, Hoa). Huyện có tuyến biên giới Biển dài gần 200km, kéo dài từ đảo Trần huyện Cô Tô đến huyện đảo Bạch Long Vĩ của Hải Phòng; có trên 300km² ngư trường đánh bắt thủy hải sản, có vùng đánh cá chung. Có vị trí đặc biệt quan trọng về Quốc phòng, an ninh trên vùng biển phía Đông Bắc của Tổ quốc. Huyện Cô Tô cách tỉnh lỵ 100km về phía đông bắc Vịnh Bắc Bộ. Phía Bắc giáp đảo Cái Chiên (huyện Hải Hà), đảo Vĩnh Thực (Huyện Móng Cái). Phía Nam giáp vùng biển đảo Bạch Long Vĩ - Hải Phòng. Phía Tây giáp huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh. Cô Tô gần ngư trường khai thác hải sản lớn của cả nước; Đảo Trần nằm ở vị trí Đông Bắc của huyện, cách khu kinh tế mở Móng Cái khoảng 35 km, nằm trong khu vực cửa khẩu, cách đường Hàng hải quốc tế Hải Phòng - Bắc Hải 30 km. Với vị trí địa lý nêu trên, Cô Tô là một huyện đảo nằm ở vị trí có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế trên biển, du lịch, giao lưu kinh tế với nhân dân Trung Hoa. Có vị trí thuận lợi để phát triển dịch vụ cứu hộ cứu nạn trên biển. Huyện Cô Tô còn có vị trí quan trọng tạo thành điểm kết nối và tuyến du lịch, giải trí Hạ Long - Cửa Ông - Vân Đồn - Cô Tô.

Nhìn tổng thể, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, xã hội của huyện Cô Tô đã đem lại một số ưu thế riêng trong phát triển kinh tế - xã hội. Những năm gần đây, Cô Tô đang là điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, giá trị kinh tế hàng năm tăng (Năm 2019 giá trị tăng thêm đạt 16,1%; giá trị kinh tế Thương mại - dịch vụ chiếm 60,8%; lượng khách du lịch tăng 20% so với năm 2018, thu nhập bình quân đầu người ước đạt 88 triệu, năm 2020 thu nhập bình quân đầu người ước đạt 92,3 triệu...). Mặc dù kinh tế phát triển nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện nhưng cũng tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới công tác giáo dục như: Các dịch vụ như Karaoke, Game, Internet... ngày càng nhiều dẫn tới ô nhiễm môi trường âm thanh, trẻ em trốn học chơi điện tử; du lịch phát triển nên du nhập nhiều luồng văn hóa thiếu lành mạnh tác động trực tiếp tới gia đình các người dân trên đảo; trẻ em tham gia vào các hoạt động du lịch nên xao nhãng học tập, phụ huynh tập trung kiếm tiền nên ít quan tâm tới việc học tập của con em; số sinh viên tốt nghiệp ra trường nhiều nhưng không xin được việc làm nên cũng làm giảm mục tiêu phấn đấu của học sinh; nguồn lao động khá dồi dào nhưng lao động có tay nghề chất lượng cao thấp...

II. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG DỰ BÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRƯỜNG THPT CÔ TÔ.

Trường THPT Cô Tô Được thành lập theo quyết định số 2472/QĐ-UBND ngày 22/8/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc chia tách, thành lập trường THPT Cô Tô và trường THCS Thị trấn Cô Tô. Tiền thân là trường THPT cấp 2-3 huyện Cô Tô được thành lập theo quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 30/8/1999. Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 năm 2019.

Trong những năm qua, Trường THPT Cô Tô luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, liên tục nhiều năm được công nhận là trường Lao động tiên tiến và Lao động xuất sắc khối trường THPT thuộc huyện của tỉnh Quảng Ninh, được nhận Bằng khen và cờ của UBND Tỉnh.

1. Đặc điểm, tình hình nhà trường

1.1. Qui mô phát triển, tình hình học sinh

1.1.1. Qui mô phát triển: nhà trường duy trì ổn định với số lớp 9, tỉ lệ học sinh trên một lớp tương đối ổn định, hiện tại tỉ lệ trung bình là 24 học sinh/lớp (*Bảng 1*). Đây là cơ sở để triển khai tốt nhiệm vụ đổi mới phương pháp giảng dạy, quan tâm để phát triển năng lực của từng cá nhân học sinh. Dự báo trong thời gian tới số lớp và số lượng học sinh không biến động nhiều (*Bảng 2*).

Bảng 1. Qui mô và số học sinh THPT Cô Tô giai đoạn 2015- 2020

Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
Tổng số học sinh	197	195	191	209	218	
Nữ	104	107	109	114	114	
Dân tộc thiểu số	5	5	4	3	7	
Khối lớp 10	64	66	69	82	77	
Khối lớp 11	75	56	63	66	76	
Khối lớp 12	58	73	59	61	65	
Số HS / lớp	21.8	21.6	21.2	23.2	24.2	

Bảng 2. Dự báo số lượng học sinh giai đoạn 2022-2026

Năm học	THPT	
	Số lớp	Số HS
2021-2022	9	220
2022-2023	9	234
2023-2024	9	240
2024 - 2025	9	250

Năm học	THPT	
	Số lớp	Số HS
2025 - 2026	9	269

1.1.2. Học sinh

* Điểm mạnh

- Đa phần các em học sinh chăm ngoan, có ý thức trong học tập, có quê quán ở những vùng, miền có truyền thống hiếu học như: Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Định...Cha mẹ học sinh rất mong muốn con em được học hành đến nơi đến chốn, có thể đạt được những thành tích nhất định.

- Học sinh ham học hỏi, tích cực, yêu thích thể dục thể thao và các hoạt động ngoại khóa, tham quan du lịch.

- Có ý thức kế thừa truyền thống học tập của các thế hệ học sinh đi trước như đã và đang học ở những trường nhóm đầu như: Học viện Biên phòng; Đại học Luật;....

- Số lượng học sinh trong 5 năm tới biến động không nhiều(Chưa tính gia tăng cơ học) (Bảng 2)

* Điểm yếu

- Học sinh thuộc vùng biên giới, hải đảo rất khó khăn.

- Học sinh thuộc xã Thanh Lâm phải ở nội trú tại trường.

- Điểm tuyển sinh đầu vào rất thấp hoặc xét tuyển.

- Một số học sinh phương pháp học tập chưa tốt, chưa tự giác trong học tập, ý thức tự học còn hạn chế, thụ động trong học tập và hoạt động phong trào.

- Vẫn còn số ít học sinh có biểu hiện chưa chấp hành tốt nội quy, quy định nhà trường và quy định của pháp luật.

1.2. Đội ngũ

Bảng 3. Thống kê số lượng và dự báo cán bộ quản lý, giáo viên

Đội ngũ	Năm học	Số lượng hiện có	Số lượng dự báo theo năm học				Số GV, NV nghỉ hưu đến 2025
			2020-2021	202-2022	2023-2024	2024-2025	
Hiệu trưởng		0	0	1	1	1	0
Phó hiệu trưởng		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Ngữ văn		2	2	2	2	2	0
Giáo viên Toán		2	2	2	2	2	0
Giáo viên Tiếng Anh		2	2	2	2	2	0

Giáo viên Giáo dục thể chất		1	1	1	1	1	0
Giáo dục quốc phòng và An ninh		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Lịch sử	Nhóm môn khoa học xã hội	1	1	1	1	1	0
Giáo viên Địa lí		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Kinh tế và Pháp luật		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Vật lí	Nhóm môn khoa học tự nhiên	2	2	2	+1	+1	0
Giáo viên Hoá học		2	2	2	+1	+1	0
Giáo viên Sinh học		3	3	3	+2	+2	0
Giáo viên Âm nhạc	Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật				-1	-1	0
Giáo viên Mỹ thuật					-1	-1	0
Giáo viên Công nghệ		-1	-1	-1	-1	-1	0
Giáo viên Tin học		1	1	1	1	1	0
Giáo viên Tiếng Dân tộc thiểu số; Giáo viên Tiếng Pháp, Trung					-1	-1	0
Nhân viên thư viện, thiết bị, thí nghiệm, Nhân viên CNTT		1	1	1	1	1	0
Nhân viên văn thư, Nhân viên kế toán, Nhân viên y tế, Nhân viên Thủ quỹ		3	3	3	3	3	1
Nhân viên giáo vụ							0
Nhân viên hỗ trợ người khuyết tật							0
Tổng		24	24	24	25	25	0

Bảng 4. Thống kê độ tuổi cán bộ, giáo viên

Độ tuổi	< 31	31-35	36-40	41-45	46-50	51-55	56-60
Số lượng	1	5	11	4	3	0	0
Tỉ lệ %	4,2	20,8	45,8	16,7	12,5	0	0

Bảng 5: thống kê về giới tính cán bộ quản lý - giáo viên

Tổng số	Nam	Nữ
21	11	10

Bảng 6. Trình độ đội ngũ cán bộ, giáo viên.

Trình độ chuyên môn	GVDG cấp Tỉnh	Ngoại ngữ	Tin học	Chính trị (Trung cấp)
----------------------------	----------------------	------------------	----------------	------------------------------

Cử nhân		Thạc sĩ		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
SL	%	SL	%			ĐH: 02	9.5	ĐH: 01	4.7	8	38.1
19	90.4	2	9.5	2	9.5	Anh C: 04	19.0	Trình độ B: 17	70.8	BGH: 01	
		BGH: 01 Toán: 01		GD CD: 01 TD: 01		Anh B: 15	71.4	Trình độ C: 3	14.2	GV: 07	

1.2.1. Điểm mạnh

- Nhà trường có đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết trong việc giảng dạy và các hoạt động giáo dục học sinh. Số giáo viên trong độ tuổi từ 36 đến 45 chiếm tỉ lệ cao 62,5%(Bảng 4), tỉ lệ nam nữ cân bằng(Bảng 5). Đây là một thế mạnh trong việc thực hiện các hoạt động chuyên môn và các hoạt động giáo dục khác đòi hỏi sự linh hoạt, năng động, nhanh nhạy trong việc tiếp nhận những cái mới, đồng thời cũng đã có thời gian tích lũy kinh nghiệm giảng dạy. Số giáo viên tuổi từ 46 đến 55 chiếm tỉ lệ 12,5% (Bảng 4), là những giáo viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành tốt các công việc được giao.

- Đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình, ham học hỏi, có 35% giáo viên dưới 35 tuổi (Bảng 4), thường xuyên trao đổi kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhiệt tình, gắn bó và mong muốn nhà trường ngày càng phát triển.

- Năm học 2019- 2020, nhà trường có:

+ 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn (2 thạc sĩ, chiếm tỷ lệ 9,6%). Chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy.

+ 2 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Hàng năm có trên 15 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở.

- Chi bộ Đảng nhà trường gồm 18 đảng viên, chiếm tỉ lệ 72%/tổng số CB-GV-NV, 08 đồng chí đảng viên có trình độ trung cấp LLCT (01 cán bộ quản lí và 07 giáo viên), chi bộ liên tục đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*”. như vậy, ngoài việc nâng cao năng lực chuyên môn, nhà trường đã chú trọng công tác bồi dưỡng cán bộ, giáo viên về chính trị, tư tưởng, chăm lo tốt cho công tác phát triển Đảng tại cơ sở. Việc tuyên truyền tốt đường lối, chủ trương của Đảng chính sách pháp luật của nhà nước được thực hiện tốt, từ đó CB, GV, VN hoàn thành tốt hơn những nhiệm vụ giáo dục được giao.

- Tỉ lệ nam, nữ cán bộ quản lý và giáo viên khá cân đối, 100% các đồng chí giáo viên nữ đã sinh đủ 2 con.

1.2.2. Điểm yếu

- Năng lực sử dụng Ngoại ngữ, Tin học vào công việc giảng dạy chưa cao.

- Tâm lí “an phận”, “bằng lòng” ở một số giáo viên thể hiện rõ nét; tư tưởng “bao cấp” còn nặng. Một số ít giáo viên chưa chủ động trong công việc, chưa thực sự tích cực trong hoạt động của nhà trường, chưa quan tâm đến học sinh.

- Đội ngũ giáo viên có bằng tốt nghiệp Đại học loại khá, giỏi rất thấp; số giáo viên được đào tạo theo hình thức tại chức, vừa học vừa làm, cử tuyển ở trường rất cao.

- Nhiều giáo viên mới ra trường về đơn vị công tác được bồi dưỡng sau vài năm giảng dạy có kinh nghiệm, có thành tích thì chuyển về đất liền hoặc chuyển sang đơn vị khác công tác.

1.2.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường:

Khó áp dụng các hình thức đổi mới hoạt động chuyên môn và đào tạo học sinh giỏi.

1.3. Cơ sở vật chất, thiết bị và phương tiện dạy học

1.3.1. CSVC nhà trường

Trường có diện tích khuôn viên hơn 16.500 m², với diện tích bình quân đạt hơn 78.5 m²/HS. Diện tích sân chơi trên 1157,61m², được đổ bê tông, trong sân trường trồng nhiều cây xanh và các bồn hoa lớn được bố trí ở hai bên cổng trường khi bước vào.

+ Sân tập thể dục với diện tích khoảng 420 m², được bố trí kèm theo các thiết bị luyện tập thể dục thể thao phục vụ cho việc tổ chức dạy học, TDTT, chưa có đường chạy tiêu chuẩn đủ 100m và các dụng cụ thể dục thể thao còn thiếu và bị hư hỏng.

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích khoảng trên 2.327,6m² trong tổng diện tích sử dụng của toàn trường có thể tổ chức được các hoạt động của cả trường như: Khai giảng, đồng diễn thể dục, ngoại khóa... Khu sân chơi với hệ thống trên 40 cây bóng mát có đường kính từ 20cm đến 30cm. Hiện tại, trường có 30 phòng làm việc, trong đó: có 9 phòng học; 3 phòng thực hành Sinh; Hóa; Lý - Công nghệ; 01 phòng thư viện; 01 phòng tin học; 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Đoàn; 01 Văn phòng; 01 phòng Bảo vệ; 01 phòng Y tế; 02 phòng Chuyên môn; 02 phòng làm việc của BGH; 01 phòng Công đoàn; 01 phòng Kế toán; 01 phòng Thư ký Hội đồng Giáo dục kiêm phòng thường trực Ban đại diện CMHS; 01 phòng Truyền thống; 01 phòng Hội đồng, các phòng đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống quạt điện và đèn chiếu sáng phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường và công tác giảng dạy, học tập cho HS và GV trong nhà trường. Ngoài ra, mỗi phòng học, phòng học bộ môn còn được trang bị 01 máy chiếu (*hiện tại nhà trường có 14 máy chiếu, 14 màn chiếu*); phòng tin học được trang bị 28 máy tính được kết nối Internet; 01 phòng Ngoại ngữ được trang bị theo chuẩn gồm 01 máy chiếu, loa + mic...

1.3.2. Về phương tiện và thiết bị giảng dạy

- Trường đã được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thiết bị dạy học các bộ môn; máy vi tính,...).

- Nhà trường đảm bảo đầy đủ về trang thiết bị cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà trường, trong đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Nhà trường đã xây dựng website theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT với mục đích quảng bá, đăng tải và trao đổi thông tin giữa giáo viên và học sinh trong trường.

- Tất cả các phòng học đều được trang bị máy chiếu; các phòng học bộ môn được đầu tư trang bị đầy đủ các thiết bị (Bảng 7).

- Đã khai thác tương đối hiệu quả CSVC-TBDH hiện có ở trong các phòng học, phòng học bộ môn, sân tập... (máy tính, máy chiếu, thiết bị thí nghiệm, thực hành, tranh ảnh, bản đồ, đài, băng đĩa...)

1.3.3. Điểm yếu

Do điều kiện thời tiết vùng biển nên nhiều thiết bị dạy học nhanh hỏng và xuống cấp (máy tính, máy chiếu, hệ thống điện, các thiết bị điện tử...); hệ thống phòng học bị bong tróc, hệ thống điện xuống cấp nhanh. Chất lượng một số đồ dùng thiết bị dạy học chưa đảm bảo chính xác, chất lượng cũng chưa được tốt.

Bảng 7. Thông tin về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học năm học 2019- 2020

A. Khối phòng học	Số lượng
<i>Số phòng học theo chức năng</i>	14
- Phòng học văn hoá	9
- Phòng học bộ môn:	05
+ Phòng bộ môn Vật lý	01
+ Phòng bộ môn Hoá học	01
+ Phòng bộ môn Sinh vật	01
+ Phòng bộ môn Tin học	01
+ Phòng bộ môn Ngoại ngữ	01
B. Khối phòng phục vụ học tập	Số lượng
<i>Số phòng chia theo chức năng</i>	
- Thư viện	01
- Phòng thiết bị giáo dục	2
- Phòng Đoàn	01
- Phòng truyền thống	01
- Nhà tập đa năng	01
- Phòng khác	04 (kho)
C. Khối phòng khác	
<i>Số phòng theo chức năng</i>	
- Phòng y tế học đường	01
- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	02
- Khu vệ sinh dành cho HS nam	04
- Khu vệ sinh dành cho HS nữ	04
E. Khối phòng hành chính quản trị	
<i>Số phòng chia theo chức năng</i>	

- Phòng Hiệu trưởng	01
- Phòng Phó hiệu trưởng	01
- Phòng giáo viên	03
- Phòng họp	01
- Văn phòng trường	01
F. Khối công trình công cộng	
Số phòng theo chức năng	
- Nhà xe giáo viên	01
- Nhà xe học sinh	02
Cơ sở vật chất khác	Số lượng (m²)
Tổng diện tích đất	16.500 m ²
Trong đó: Diện tích đất được cấp	16.500 m ²
Diện tích đất sân chơi, bãi tập	1.157,61 m ²
Tổng diện tích một số loại phòng(m²)	
- Phòng học văn hoá	52,98 m ² / phòng học
- Phòng học bộ môn	
+ Phòng bộ môn Vật lý	77,88 m ²
+ Phòng bộ môn Hoá học	77,88 m ²
+ Phòng bộ môn Sinh vật	77,88 m ²
+ Phòng bộ môn Tin học	77,88 m ²
+ Phòng bộ môn Ngoại ngữ	77,88 m ²
- Thư viện	120 m ²
- Nhà tập đa năng (Phòng giáo dục thể chất)	720 m ²
- Phòng khác (Phục vụ học tập)	
Thiết bị dạy học tối thiểu (ĐVT: bộ)	
Tổng số	6
- Khối lớp 10	2
- Khối lớp 11	2
- Khối lớp 12	2
Thiết bị phục vụ giảng dạy	
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng	37/42
- Máy vi tính phục vụ học tập	28

- Máy vi tính phục vụ quản lý	9
Trong đó: Máy vi tính đang được nối Internet	37
Số máy photocopy	01
Số scanner	01
Số máy in	05
Số thiết bị nghe nhìn	
- Tivi	0
- Cassette	02
- Đầu Video	01
- Đầu đĩa	01
- Máy chiếu Projector	14

1.4. Tài chính

1.4.1. Điểm mạnh

- Tài chính minh bạch, công khai, rõ ràng, đầy đủ.
- Xây dựng kế hoạch chi tiêu hợp lý.
- Không có tình trạng lạm thu trong nhà trường.

1.4.2. Điểm yếu

- Nguồn kinh phí còn hạn hẹp (phải đảm bảo cho mọi hoạt động trong bối cảnh nguồn lực tài chính (ngân sách nhà nước có hạn). Phần ngân sách để chi cho việc đi công tác lớn.

- Thu nhập của một số giáo viên trẻ, nhân viên còn thấp.

- Do đơn vị thuộc trường hạng 3, số biên chế ít, thuộc vùng biên giới hải đảo, đi lại khó khăn, đi 01 ngày công tác thành 3 ngày thanh toán, số học sinh ít, kinh tế của các bậc phụ huynh đa phần khó khăn, nguồn xã hội hóa gần như không có

1.4.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường: hạn chế các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động phong trào trong nhà trường.

1.5. Tổ chức dạy và học

1.5.1. Điểm mạnh

- Thực hiện chương trình, kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế và tiến độ.

- Kết quả học tập của học sinh tương đối khả quan, khoảng 70% học sinh đạt khá, giỏi.

- Một số bộ môn có lực lượng giáo viên mạnh và tương đối đều tay, đặc biệt là các môn: Văn, Sử, Địa, Giáo dục công dân, Tin, Sinh.

1.5.2. Điểm yếu

- Thực hiện đổi mới phương pháp chưa đồng bộ, một số ít GV còn lúng túng trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Năng lực sử dụng các thiết bị, thí nghiệm, nhất là sử dụng CNTT của một bộ phận GV còn hạn chế dẫn đến chất lượng giờ dạy hiệu quả chưa cao.

- Một số bộ môn còn chưa đầu tư cao vào việc đào tạo học sinh giỏi nhất là ở giai đoạn tạo nguồn khối 10, 11.

- Một bộ phận nhỏ GV chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục, quản lý HS; chưa chủ động trong công việc; sự tin nhiệm của HS và đồng nghiệp còn thấp.

1.5.3. Ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường:

Chưa có điều kiện, thời gian quan tâm đúng mức đến các em học sinh chưa ngoan, lười học. Chưa nhiệt tình tham gia trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

1.6. Chế độ chính sách đối với giáo viên, học sinh

1.6.1. Chế độ chính sách đối với giáo viên, nhân viên

Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THPT Cô Tô được hưởng đầy đủ và đúng các chế độ chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước. Ngoài ra, tại trường THPT Cô Tô đã có chế độ, chính sách đối với giáo viên học nâng cao, học bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề; thưởng cho giáo viên có học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi; chi hỗ trợ cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

1.6.2. Chế độ chính sách đối với học sinh

Học sinh trường THPT Cô Tô ngoài những chế độ được hưởng theo quy định hiện hành của nhà nước: Với học sinh thuộc xã Thanh Lân các em được hưởng chế độ bán trú bằng 40% mức lương tối thiểu, các em còn được thưởng nếu đạt các thành tích cao trong học tập và trong rèn luyện. Những học sinh ở xã Thanh Lân hưởng đầy đủ chế độ bán trú theo quy định của Nhà nước giúp các em có điều kiện tốt hơn trong thời gian học tập tại nhà trường.

1.7. Lãnh đạo và quản lý

1.7.1. Điểm mạnh

- Có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với trường, hết lòng vì tập thể và học sinh.
- Được sự tin nhiệm và tin tưởng của các cấp ủy đảng, CB, GV, NV và học sinh nhà trường.

- Nhiệt tình, làm việc đúng pháp luật, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát công việc khoa học phù hợp với đặc thù đơn vị.

- Quan tâm chăm sóc đến đời sống CB, GV, NV.

1.7.2. Điểm yếu

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng còn hạn chế.

- Chưa phát huy hết năng lực của giáo viên.

1.8. Kết quả giáo dục và đào tạo từ năm học 2015- 2016 đến nay

1.8.1. Kết quả xếp loại hai mặt giáo dục

Điểm mạnh: Từ năm học 2015- 2016 đến nay, kết quả xếp loại hai mặt giáo dục của nhà trường được giữ tương đối ổn định. Dần theo các năm tỉ lệ học sinh khá giỏi tăng, tỉ lệ học sinh trung bình và yếu giảm, hai năm học 2018-2019 và năm học 2019-2020 không còn học sinh có học lực yếu.

Bảng 8: Bảng tổng hợp xếp loại học lực các năm học.

Loại	Năm học 2015-2016		Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
G	12	6.1	23	11,8	23	12	26	12,4	25	11.5
K	87	44.2	118	60,5	106	55,5	140	67,0	129	59.2
Tb	90	45.7	54	27,7	58	30,4	43	20,6	64	29.3
Y	8	4.1	0	0	4	2,1	0	0		
Kém	0	0	0	0	0	0	0	0		

Bảng 9: Bảng tổng hợp xếp loại hạnh kiểm các năm học

Loại	Năm học 2015-2016		Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
Tốt	11 7	59.4	128	65,6	114	59,7	140	66,7	144	66.1
Khá	44	22.3	47	24,1	50	26,2	61	29,1	61	28.0
TB	30	15.2	20	10,3	26	13,6	8	3,8	13	5.9
Y	5	2.5	0	0	1	0,5	0	0,4		

- Về học lực: Số học sinh xếp loại học lực Khá Giỏi luôn đạt trên 50%. Số học sinh xếp loại khá, giỏi ngày càng tăng theo các năm học. Năm học 2015- 2016 tỉ lệ học sinh khá giỏi là 50,3% nhưng đến năm học 2019- 2020 con số này đạt đến 70,7% (tăng 20,4%), trong đó tỉ lệ học sinh giỏi là 11.5% (tăng 5.4%). Số học sinh có học lực yếu giảm từ 4,1% trong năm học 2015- 2016 xuống còn 0% trong năm học 2019-2020 (Bảng 7; Biểu đồ 2).

- Về hạnh kiểm: Tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm Tốt- Khá luôn đạt trên 80%; trong đó, tỉ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt là trên 59%. Năm học 2015-2016 tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt là 59,4%%, đến năm học 2019- 2020 tỉ lệ này là 66.1%, tăng 6,7% số lượng học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt. Số học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình, yếu giảm theo từng năm, năm học 2015- 2016, tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình là 15,2%, đến năm học 2019- 2020, còn là 5,9 % sau (Bảng 8; Biểu đồ 3)

Điểm yếu: Một số học sinh chưa xác định rõ động cơ học tập, phương pháp học tập chưa tốt, chưa tự giác trong học tập, ý thức tự học còn hạn chế, thụ động trong học tập và hoạt động phong trào.

1.8.2. Kết quả tốt nghiệp hàng năm

Điểm mạnh: Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp có năm đạt 100%.

Điểm yếu: Học sinh đỗ tốt nghiệp THPT đạt tỷ lệ không ổn định, (Bảng 9).

Bảng 9. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp

STT	NĂM TỐT NGHIỆP	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ %	GHI CHÚ
1	2016	59/63	93,65%	
2	2017	73/73	100%	
3	2018	55/57	96,49%	
4	2019	47/61	77,2%	
5	2020	64/64	100%	

1.8.3. Kết quả chất lượng mũi nhọn

Điểm mạnh:

- Số lượng học sinh giỏi cấp Tỉnh các môn văn hóa hàng năm tương đối ổn định. Năm học 2015- 2016 đến nay thường có 6-10 giải HSG văn hóa cấp Tỉnh/ năm (Bảng 10).

- Năm học 2016 và 2019 nhà trường có 02 học sinh được khen thưởng theo Nghị quyết 49/NQ-HĐND ngày 9/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về học sinh đạt điểm giỏi trong kỳ thi tuyển sinh vào hệ chính quy các trường Đại học.

Điểm yếu:

Tuy nhiên, công tác ôn luyện các đội tuyển học sinh giỏi chưa có sự bứt phá. Một số môn còn “trắng bảng” như Lý, Hóa, một số môn số lượng giải thấp so với các môn khác trong trường Toán, Văn, Ngoại ngữ. (Bảng 10).

Bảng 10. Kết quả thi HSG cấp Tỉnh giai đoạn 2016-2021

Môn	Tổng số giải	Năm học				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Toán	1			1		
Lý						
Hóa						
Văn	4	1		1	1	1
Sử	5	1		1	2	1
Địa	5	1	2	1		2
Sinh	3		1	1	1	
T. Anh	1			1		
Tin	3			1	1	1
GDCD	12	3	3	3	2	1

1.8.4. Kết quả giáo dục môn Ngoại ngữ:

Điểm mạnh:

Hoạt động dạy học tiếng Anh đã được thực hiện tương đối đa dạng bằng việc sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, sử dụng mô hình tiếng Anh cộng đồng, kết hợp các hình thức và phương pháp đánh giá định tính với đánh giá định lượng, đánh giá thời điểm và đánh giá quá trình.

Nhìn chung HS nắm được kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng; thực hiện các bài đọc hiểu như đọc và trả lời câu hỏi; đọc và lựa chọn đáp án đúng; đọc và điền từ..., hoàn thành bài tập sắp xếp các từ xáo trộn thành câu, viết lại câu, viết đoạn văn.

Điểm yếu:

Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT rất thấp: năm 2018 đạt 4,19; năm 2019 đạt 3,18; năm 2020 đạt 3,66. Thấp hơn nhiều so với phổ điểm trung bình của tỉnh.

Giáo viên còn tuân thủ nghiêm ngặt các hoạt động được thiết kế trong sách giáo khoa, chưa có sự linh hoạt và mềm dẻo vì vậy chưa phù hợp với trình độ nhận thức và năng lực của học sinh. Việc sử dụng quy trình cũng như kỹ thuật dạy học cá nhân kết hợp với dạy học hợp tác, dạy học phân hóa còn có những hạn chế nhất định. Hình thức đánh giá quá trình chưa được thực hiện rõ nét, chưa chú trọng phát triển năng lực học tập cho học sinh; rèn kỹ năng đọc và viết nhiều hơn là kỹ năng nghe và nói.

Phần lớn học sinh chỉ thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao hoặc gán với điểm số. Số ít học sinh yêu thích môn tiếng Anh mới tự giác hoàn thành bài tập, tham khảo tài liệu.

Năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh được đánh giá chủ yếu ở mức độ trung bình; năng lực nghe và nói yếu hơn đọc và viết. Học sinh còn mắc nhiều lỗi về ngữ pháp và từ vựng hoặc bỏ qua bài viết, hạn chế về năng lực nghe hiểu, năng lực thuyết trình, giao tiếp và viết bài luận.

1.8.5. Kết quả hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao từ năm 2016 đến 2020

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động GDNGLL, GDHN, văn nghệ lồng ghép trong các giờ chào cờ, hoạt động tập thể. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao nhân các ngày 20/10, 20/11, 22/12, 26/3...

- Về Văn hóa, văn nghệ:

+ Đoàn thanh niên trường đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thường xuyên các hoạt động VH-VN-TDĐT gắn với các ngày lễ lớn trong năm, tổ chức giao lưu, kết nghĩa và tổ chức các hoạt động văn hoá - văn nghệ với các đơn vị trên địa bàn. Các hoạt động diễn ra rất phong phú và hấp dẫn, thu hút học sinh tham gia tự nguyện, nhiệt tình tạo nên phong trào thi đua sôi nổi, thông qua đó hạn chế được các hiện tượng tiêu cực, góp phần nâng cao thể lực và định hướng giá trị thẩm mỹ cho đoàn viên.

+ Hàng năm tổ chức các chương trình văn nghệ, hội trại, Hội thi báo tường chào mừng kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, 20 năm thành lập trường và đón nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

+ Tổ chức hội thi cắm hoa nghệ thuật chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3, 20/10.

+ Tổ chức các cuộc thi: Liên hoan văn nghệ năm 2016; Tiếng hát tri ân năm 2017; Học sinh duyên dáng thanh lịch năm 2018; Khiêu vũ thể thao năm 2020.

+ Hàng năm tham gia chương trình văn nghệ Mừng Đảng, mừng Xuân và đặc biệt kỉ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tham gia chương trình nghệ thuật quần chúng năm 2018. Tham gia các chương trình văn nghệ chào mừng kỉ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 do ngành giáo dục tổ chức; tham gia các cuộc thi: ATGT dưới hình thức sân khấu hóa, Giai điệu tuổi hồng, Tham gia Tuần thể thao văn hóa và du lịch Huyện Cô Tô năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020. Chương trình văn nghệ chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện Cô Tô lần thứ VI. Hàng năm liên hoan nghệ thuật quần chúng các dân tộc vùng Đông Bắc tại huyện Tiên Yên. Tham gia Hội thi Dân vận khéo huyện Cô Tô năm 2020. Tham gia chương trình văn nghệ “Người đẹp Hạ Long” tổ chức tại Huyện Cô Tô năm 2020.

- Thể dục thể thao:

Năm học	Tên giải TDTT	Thành tích	Nội dung
2016-2017	- Giải điền kinh học sinh cấp tỉnh năm 2017	- 02 giải nhất	Nhảy cao
			Chạy 5000 m
	- Đại Hội TDTT tỉnh Quảng Ninh năm 2017	- 01 giải 3	Đẩy tạ nam
		- 01 HCV (phá kỉ lục tỉnh QN)	Nhảy cao nam
2017-2018	- Giải điền kinh học sinh tỉnh (Nhất đồng đội nam THPT)	- 02 giải nhất	Nhảy cao
			Chạy 5000 m
		- 01 giải nhì	Nhảy xa nam
		- 01 giải 3	Nhảy xa nam
	- Giải điền kinh học sinh toàn quốc	- 01 HCV	Nhảy cao nam
		- 01 HCB	Chạy tiếp sức nam
2018-2019	- Giải điền kinh học sinh cấp tỉnh	- 01 giải nhất	- Nhảy cao nữ
2019-2020	- HKPD cấp tỉnh lần thứ X- năm 2020	- 01 HCB	- Đẩy gậy nam
		- 03 HCB	- Nhảy cao nữ - Đẩy gậy nam - Cầu lông
2020-2021	- Hội thao GDQPAN học sinh cấp tỉnh	- 01 giải ba	- Ném lựu đạn nam

1.8.6. Danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng đã được nghỉ nhận.

- **Công tác Đảng:** hàng năm chi bộ nhà trường đều đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh, năm 2016 đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

- **Công đoàn nhà trường:** hàng năm công đoàn nhà trường đều được công nhận Công đoàn vững mạnh.

- **Đoàn trường:** Đoàn trường THPT Cô Tô được Tỉnh Đoàn Quảng Ninh tặng 04 bằng khen: đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giai đoạn 2012-2017; đơn vị xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào TTN khối trường học năm học 2018-2019; đơn

vị xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào TTN khối trường học năm học 2019-2020; đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2020.

- Nhà trường:

+ Năm học 2016-2017; 2018-2019: được công nhận Tập thể lao động xuất sắc;
+ Năm học 2018-2019: được nhận Cờ Thi đua của UBND Tỉnh công nhận đơn vị xuất sắc khối THPT công lập khu vực huyện và 01 bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc Trường THPT Cô Tô đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Đơn vị văn hóa” năm 2018;

+ Năm học 2019-2020 được UBND tỉnh Quảng Ninh tặng 02 Bằng khen theo về việc Trường THPT Cô Tô Đơn vị học tập xuất sắc, đóng góp tích cực vào công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và Trường THPT Cô Tô đã có thành tích xuất sắc trong công tác và phong trào thi đua năm học 2019-2020.

2. Đánh giá kết quả đạt được và hạn chế, bất cập

2.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

2.1.1. Kết quả đạt được:

Trong 5 năm học (từ năm học 2015- 2016 đến học năm học 2019- 2020), Trường THPT Cô Tô đã đạt được kết quả khả quan trong việc thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học các bộ môn văn hóa, giữ vững chất lượng giáo dục đại trà; nâng cao tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng; Bên cạnh đó, nhà trường luôn quan tâm và đã triển khai đạt kết quả cao trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục toàn diện thông qua nhiều hoạt động ngoại khóa, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục ngoài giờ lên lớp. Được các cấp, ngành khen thưởng và đánh giá cao. Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 năm 2019. Đây chính là yếu tố quyết định đã khẳng định sự phát triển không ngừng của nhà trường trong các năm qua.

2.1.2. Nguyên nhân.

- Thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, nhà trường đã linh hoạt, khéo léo trong việc tổ chức các phong trào thi đua, quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh. Vì vậy các hoạt động của nhà trường luôn diễn ra nhịp nhàng và đạt được những kết quả tốt.

- Điểm mạnh nổi bật mang tính cốt lõi nữa là toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng, sẵn sàng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

- Tập thể CB-GV-NV đoàn kết, gắn bó với trường lớp, quan tâm đến học sinh; biết nỗ lực cố gắng đổi mới phương pháp dạy học; chú trọng nhiều đến thực hành (các bộ môn Lý, Hoá, Sinh), hạn chế học chay, thực hiện tốt các tiêu chí của phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp phát huy vai trò và khả năng hoạt động theo Điều lệ quy định.

- Minh bạch, công khai và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ; các nguồn thu chi được xây dựng chi tiết, cụ thể và thực hiện theo đúng kế hoạch, tiến độ đề ra. Luôn đảm bảo tốt các nguyên tắc thu chi trên tinh thần tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa để tăng thu nhập cho đội ngũ.

- Cán bộ quản lý, lực lượng nòng cốt chuyên môn của trường nhiệt tình, tận tâm vì sự nghiệp chung của trường, có ý thức và tinh thần trách nhiệm trong việc đổi mới các hoạt động giáo dục của nhà trường, nêu cao tinh thần “Dân chủ - kỷ cương - tình thương - trách nhiệm”.

- Đội ngũ giáo viên phần lớn có thâm niên, trình độ chuyên môn tương đối vững vàng bên cạnh đội ngũ giáo viên trẻ được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm khá tốt và hơn hết là tinh thần ham học hỏi.

- Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động VN-TDTT... tạo sân chơi thu hút đông đảo học sinh tham gia.

2.2. Hạn chế, bất cập

2.2.1. Chủ quan

Tuy nhiên, nhà trường cũng vẫn còn một số hạn chế nhất định mang tính tạm thời là:

- Việc triển khai các phong trào nghiên cứu KHKT dành cho học sinh trung học kết quả chưa cao.

- Việc đổi mới phương pháp dạy học và năng lực sử dụng các thiết bị, thí nghiệm, nhất là sử dụng CNTT của một bộ phận GV còn hạn chế dẫn đến chất lượng giờ dạy hiệu quả chưa cao.

- Một số giáo viên trẻ, thiếu kinh nghiệm giảng dạy và xử lý công việc. Cơ cấu bộ môn không đồng bộ gây khó khăn trong sắp xếp phân công nhiệm vụ; Việc bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên chưa thực sự hiệu quả.

- Chưa tạo được sự thúc đẩy mạnh mẽ đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường nhằm phát huy sự sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, năng lực, trí tuệ của mỗi cá nhân để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

a. Về học sinh

- Một số học sinh chưa có thói quen tự học, chưa tự chủ trong học tập, chưa có phương pháp học tập thích hợp.

- Hầu hết cha mẹ học sinh đều quan tâm đến việc học tập của con em nhưng cách thực hiện chưa đúng như: chưa xác định được năng lực thực sự của con em mình, khả năng tiếp thu của con em; cách giáo dục, nuông chiều con cái quá mức cũng làm hạn chế các kỹ năng sống cần thiết cho sự phát triển của học sinh.

- Chất lượng đầu vào lớp thấp, kết quả các cuộc thi văn hóa, thể dục thể thao cấp tỉnh khối học sinh THCS đạt chất lượng thấp.

- Do nhận thức của một số học sinh còn kém và sự quản lý của gia đình chưa được chặt chẽ nên các em vi phạm vào nội quy, quy định, điều lệ trường trung học.
- Trường đứng chân trên địa bàn huyện đảo khó khăn, xa đất liền nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở các địa phương khác rất khó khăn.

b. Về lực lượng sư phạm

*** Giáo viên**

- Một số ít giáo viên chưa thường xuyên quan tâm, chưa chủ động trong việc tiếp cận, sử dụng hoặc bổ sung các phương tiện, trang thiết bị và CNTT trong dạy học.
- Một số ít giáo viên tập trung vào việc hoàn thành chương trình hơn là sáng tạo, nhạy bén, chú tâm vào phương pháp giảng dạy mới.
- Chỉ tập trung vào truyền thụ kiến thức mà chưa quan tâm nhiều đến giáo dục kỹ năng, đạo đức học sinh, tư vấn, hỗ trợ các em học tập và rèn luyện nhân cách.
- Ít có thời gian để điều chỉnh các kỹ năng cần thiết như: giao tiếp ứng xử, cẩn thận, kỹ lưỡng trong công việc, hợp tác, tiếp cận và tư vấn học sinh...
- Yêu cầu giáo dục ngày càng cao, nhưng khả năng đáp ứng của nhà trường để tái tạo sức lao động cho giáo viên còn hạn hẹp, không thể kịp với tốc độ phát triển của xã hội.
- Đội ngũ giáo viên ở trường có bằng tốt nghiệp đại học loại Giỏi không có; bằng tốt nghiệp đại học loại Khá rất thấp (2/20); số giáo viên được đào tạo theo hình thức tại chức, vừa học vừa làm, cử tuyển rất cao (12/20).

*** Nhân viên**

- Khả năng hợp tác, phối hợp trong công việc còn hạn chế vì mỗi người một chuyên môn riêng, nên chỉ phối hợp, giúp đỡ các công việc cụ thể đơn giản.
- Nhân lực ít nhưng khối lượng công việc ngày càng nhiều.

*** Cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán**

- Phó Hiệu trưởng nhà trường thường chú tâm vào công việc cụ thể để hoàn thành kế hoạch đề ra; đôi khi chưa được thường xuyên tham gia các nội dung bồi dưỡng về công tác quản lý, quản trị trường học hay tham dự các khóa huấn luyện để nâng cao kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý do Sở GD&ĐT tổ chức.
- Lực lượng tổ trưởng chuyên môn tuy vững tay nghề về chuyên môn nhưng còn nể nang, cả nể khi đồng nghiệp không nhận nhiệm vụ. Ít tổ chức các hoạt động để nâng cao khả năng làm việc theo nhóm trong tổ.
- Chưa thực sự tích cực trong các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động do các đoàn thể tổ chức.

*** Về cơ sở vật chất- trang thiết bị**

- Do đặc thù thời tiết ở đảo Cô Tô không khí có nồng độ muối cao nên các đồ dùng rất nhanh hỏng, hư hỏng nhanh xuống cấp (máy tính, máy chiếu, hệ thống điện, các thiết bị điện tử...); hệ thống phòng học bị bong tróc, hệ thống điện xuống cấp nhanh.

Chất lượng một số đồ dùng thiết bị chưa đảm bảo chính xác, chất lượng cũng chưa được tốt

- Một số trang thiết bị, đồ dùng dạy học chưa đảm bảo về chất lượng, chưa đồng bộ, độ chính xác chưa cao đã ảnh hưởng đến hiệu quả một số bài thực hành.

- Đồ dùng dạy học của giáo viên tự làm hàng năm phục vụ cho các bộ môn còn hạn chế về số lượng. Đa số chỉ dùng lại những thiết bị đơn giản, dễ làm.

- Một số thiết bị dạy học đã được cấp từ lâu chưa được thay mới, việc tiêu hủy hóa chất còn gặp khó khăn do khoảng cách địa lý.

- Việc bảo quản, tiêu hủy một số loại hóa chất chưa đảm bảo quy định, việc bố trí, sắp xếp thiết bị trong các phòng thực hành chưa hợp lý.

- Các nguồn tài chính còn hạn hẹp nên tác động không ít đến hoạt động chung của trường cũng như sự vươn lên và phát triển bền vững.

- Công tác chỉ đạo bảo quản, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa được quan tâm đúng mức, vẫn còn hiện tượng giáo viên ngại sử dụng trang thiết bị dạy học, ngại ứng dụng CNTT vào giảng dạy.

2.2.2. Khách quan

- Cơ chế tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự, tài chính, kết quả hoạt động và cơ chế quản lý giáo dục chưa tương thích với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nhiều gia đình đi biển dài ngày hoặc cả bố mẹ đều đi lao động nước ngoài nên khó khăn trong việc phối hợp giáo dục.

- Nhiều bậc phụ huynh HS chưa thật sự quan tâm đến việc học của con em mình nên thường xuyên vắng họp. BDD cha mẹ học sinh còn bận nhiều việc gia đình nên việc liên hệ, phối kết hợp với nhà trường đôi khi chưa kịp thời. BDD cha mẹ học sinh chưa phối hợp hiệu quả với xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ BDD cha mẹ học sinh.

- Trường thuộc vùng biên giới hải đảo, trên 80% phụ huynh học sinh làm nghề ngư nghiệp đánh bắt xa bờ nên nhận thức về chiến lược phát triển giáo dục và công tác phối hợp với nhà trường trong việc quan tâm, giáo dục, định hướng nghề cho con em còn nhiều hạn chế. Không những thế, do đặc thù vùng miền, chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp nên gặp nhiều khó khăn trong công tác bồi dưỡng, đào tạo mũi nhọn.

III. DỰ BÁO THỜI CƠ, THÁCH THỨC

1. Cơ chế, chính sách

1.1. Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước nhận thức rõ sự tất yếu, cần thiết và quyết tâm cao trong việc đổi mới giáo dục, không những thể hiện trên quan điểm mà còn đề ra mục tiêu và một số giải pháp phát triển giáo dục.

- Phương thức quản lý giáo dục lấy cơ sở làm trung tâm, cùng với cơ chế tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự và tài chính đã mở ra cho nhà trường

hướng đi thông thoáng, năng động, có trách nhiệm trong việc xây dựng hướng phát triển nhà trường.

- Tận dụng tính đổi mới và sáng tạo của cơ sở giáo dục cộng với thực hiện quyền tập trung dân chủ cao độ là động lực quan trọng giúp cho cơ sở giáo dục có sức mạnh để phát triển nhà trường.

1.2. Khó khăn

Phương thức quản lý lấy cơ sở làm trung tâm tạo ra những thách thức chủ yếu:

- Đòi hỏi cán bộ quản lý nhà trường phải có năng lực ra quyết định phù hợp với quyền tự chủ về nhân sự, tài chính và chuyên môn.
- CB, GV, NV phải có năng lực đóng góp và tham gia quản lý nhà trường.
- Đội ngũ nhà giáo phải có năng lực làm việc tập thể, có kỹ năng giải quyết vấn đề; toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp chung.

1.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Các thành viên trong nhà trường phải nhận thức được tầm quan trọng và tính cần thiết của việc đổi mới các hoạt động giáo dục, CSVC nhà trường theo hướng hiện đại hóa.
- Cần phải đầu tư nhiều công sức, trí tuệ trong việc đổi mới phương pháp dạy học tùy theo khả năng của từng người.
- Công tác quản lý, điều hành các hoạt động trong nhà trường cũng phải được điều chỉnh.
- Mối quan hệ hợp tác giữa các thành viên phải được cải thiện.

2. Tài chính

2.1. Thuận lợi

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế toàn cầu hóa đem lại những cơ hội:

- Thúc đẩy nhanh phát triển giáo dục; trang thiết bị dạy học, cơ sở vật chất được hoàn thiện ngày càng hiện đại... đáp ứng các yêu cầu đổi mới.
- Mọi người có cơ hội phát triển và đóng góp như nhau, phát huy được tính sáng tạo của từng thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường.
- Khả năng đóng góp của xã hội cho sự nghiệp giáo dục cao hơn.

2.2. Khó khăn

Do nguồn kinh phí hạn hẹp, chênh lệch giữa cung và cầu lớn nên gặp nhiều thách thức.

- Yêu cầu về trang thiết bị, cơ sở vật chất, nhân lực phục vụ cho giáo dục thì nhiều nhưng kinh phí thì có hạn.
- Năng lực và khả năng hợp tác của mỗi người khác nhau tùy thuộc nhiều yếu tố.
- Chế độ chính sách theo quy định chung thường cứng nhắc, không phù hợp thực tế hoạt động của đơn vị.

2.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Thường nảy sinh tâm lý so sánh thu nhập của GV trong trường với các trường trong huyện.
- Chế độ lương thấp, nhất là các giáo viên mới ra trường và đội ngũ nhân viên tạo tâm lý với công việc.

3. Văn hóa

3.1. Thuận lợi

- Đa số các thành viên đều có ý thức tốt trong việc xây dựng, nuôi dưỡng bầu không khí dân chủ, hợp tác và tin cậy lẫn nhau.
- Nhận thức được sự cần thiết phải cải tiến vươn lên, sáng tạo và đổi mới để nâng cao chất lượng hoạt động của mình.
- Tôn trọng và luôn hướng về giá trị đích thực, giản dị trong sinh hoạt, trung thực thẳng thắn trong công việc, nói và làm gắn liền với thực tiễn.
- Ý thức tốt việc xây dựng nề nếp, tác phong, trật tự kỷ luật của học sinh, tập trung quan tâm đến các mối quan hệ thân thiện giữa người với người và với môi trường.

3.2. Khó khăn

- Là trường THPT duy nhất lại có quy mô nhỏ trên địa bàn huyện đảo nên các hoạt động VH, VN, TDTT của các cơ quan ban ngành trên huyện phần lớn dựa vào nguồn nhân lực là giáo viên và học sinh nhà trường.
- Mỗi người một cá tính, thể hiện văn hóa đồng đều ở mọi thành viên trong nhà trường là một việc vô cùng khó khăn; mất nhiều thời gian để từ bỏ những thói quen không được tập thể chấp nhận.
- Những tập quán xấu, hành vi tiêu cực bên ngoài xã hội tác động vào mọi người, tạo nên một sức ỳ trong quá trình hình thành nếp sống tốt đẹp trong nhà trường.
- Chưa có sự thống nhất quan điểm về cách giao tiếp ứng xử giữa các thành viên trong nhà trường.

3.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường

- Giữa nhận thức và hành động còn nhiều khoảng cách khá xa. Tính bảo thủ, bao cấp của một bộ phận giáo viên, nhân viên là rào cản cho việc xây dựng một nền văn hóa nhà trường.
- Thái độ bàng quang của một số giáo viên ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì hình ảnh tốt về văn hóa nhà trường.

4. Xã hội

4.1. Thuận lợi

- Là trường THPT duy nhất lại có quy mô nhỏ trên địa bàn huyện đảo nên luôn nhận được sự quan tâm động viên khích lệ của các cấp; các ngành trên địa bàn huyện.

- Dự luận xã hội đồng tình với quan điểm của nhà trường trong việc xây dựng phong trào “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”.

- Sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội không những nâng cao hiệu quả giáo dục mà còn thúc đẩy khá năng hợp tác, cải thiện mạnh mẽ văn hóa ứng xử, giao tiếp trong nhà trường.

- Việc xây dựng và thực hiện tốt cụm đơn vị an toàn, địa bàn an toàn tạo cơ hội nắm bắt thông tin đa chiều nhanh và thuận lợi trong công tác phối hợp giáo dục học sinh.

4.2. Khó khăn

Nhận thức về mục đích học tập, đánh giá chất lượng giáo dục trong xã hội (đặc biệt là các bậc CMHS) còn khoảng cách khá xa giữa lý luận và thực tiễn dẫn đến việc tư vấn nghề nghiệp cho học sinh chưa thực sự hiệu quả. Sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, internet,... ảnh hưởng đến các biện pháp giáo dục của nhà trường; một số CMHS chưa thực sự quan tâm giáo dục học sinh hoặc giáo dục chưa đúng cách; một số CMHS còn quá khó khăn trong kinh tế gia đình, phải bươn trải mưu sinh bằng việc đi lao động nước ngoài...

4.3. Ảnh hưởng đến hoạt động nhà trường:

Quản lý học sinh cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Mọi quan hệ này phải thực sự gắn bó nếu không rất khó quản lý giờ giấc học tập của các em.

5. Quốc phòng - an ninh.

5.1. Thuận lợi.

Cô Tô là huyện biên giới, biển, đảo có vị trí chiến lược, đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng để làm cơ sở vạch đường cơ bản khi hoạch định đường biên giới trên biển của nước ta, là khu vực phòng thủ của tỉnh nên đảng và nhà nước rất quan tâm đầu tư cơ sở, vật chất kỹ thuật xây dựng khu vực phòng thủ phù hợp với tính “lưỡng dụng”, nhiệm vụ trọng yếu là triển kinh tế - xã hội gắn với việc đảm bảo quốc phòng và an ninh góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của tổ quốc .

5.2. Khó khăn.

- Các thế lực thù địch cũng tìm mọi cách chống phá làm mất đi sự ổn định.
- Công tác tuyên truyền, giáo dục về nhiệm vụ công tác quốc phòng toàn dân trong tình hình mới đã được triển khai trên nhiều phương diện, đa dạng về nội dung, hình thức nhưng đạt hiệu quả chưa được như mong đợi./.

6. Nhận định, đánh giá chung về thời cơ, thách thức đối với nhà trường

6.1. Thời cơ

- Các ngành, các cấp ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng bậc nhất của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nên đã có quan tâm nhiều hơn đến phát triển giáo dục và đào tạo;

- Đảng, Nhà nước và Tỉnh đã xác định "*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân*" là một trong 3 đột phá chiến lược KT-XH, xem đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển; giáo dục vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt là thành tựu về giảm nghèo, thực hiện chương trình nông thôn mới, phát triển du lịch, dịch vụ. Chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng,

- Chính trị, an ninh ổn định, thành tựu phát triển KT-XH của huyện trong những năm trở lại đây phát triển mạnh, đời sống nhân dân ổn định và nâng cao. Đã hoàn thành Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược "Quy hoạch phát triển nhân lực huyện Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" và những kết quả đạt được về chất lượng giáo dục và đào tạo trong những năm qua là cơ hội tốt để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong thời gian tới.

- Nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục trong cơ sở giáo dục ngày càng tăng; khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, đặc biệt là CNTT.

- Nhà trường nhận được sự tin nhiệm của học sinh và CMHS trong huyện.

6.2. Thách thức

- Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ trên thế giới, hội nhập quốc tế không chỉ tạo cho giáo dục cơ hội phát triển mà còn chứa đựng nguy cơ xâm nhập của những giá trị văn hóa và lối sống thiếu lành mạnh làm xói mòn bản sắc dân tộc, ảnh hưởng giáo dục truyền thống.

- Phát triển kinh tế nhanh, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội có nguy cơ gia tăng. Khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, khoảng cách phát triển giữa các vùng ngày càng rõ rệt, có nguy cơ dẫn đến sự thiếu bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, gia tăng khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa huyện với các địa phương trong tỉnh, giữa các đối tượng người học.

- Hạn chế nguồn nhân lực đang là một thách thức lớn đối với Quảng Ninh nói chung và Cô Tô nói riêng, thiếu lao động có tay nghề cao; chất lượng lao động, chất lượng dịch vụ và hiệu suất công việc còn thấp. Cả ngành dịch vụ và công nghiệp đều yêu cầu lao động có tay nghề như: khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh, tiếng Trung trong ngành du lịch, kỹ năng chuyên môn vận hành máy móc kỹ thuật cao trong ngành sản xuất...

- Chất lượng giảng dạy (chất lượng giáo viên là yếu tố quan trọng nhất quyết định chất lượng đầu ra của giáo dục) đang là thách thức lớn nhất đối với hệ thống GD&ĐT của Quảng Ninh nói chung và các trường THPT riêng.

- Chương trình giáo dục phổ thông mới và Sách giáo khoa mới thực hiện với khối THPT bắt đầu từ năm học 2022- 2023, bên cạnh đó là những quy định mới về môn học, về phát triển năng lực phẩm chất, những thay đổi về kiểm tra, thi cử...

- Trường THPT Cô Tô nói riêng và các trường THPT nói chung gặp khó khăn trong việc đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới đặc biệt đối với các bộ môn: Công nghệ; Mỹ thuật; Âm nhạc ở trường có quy mô nhỏ không có thì thiếu mà có 01 giáo viên lại thừa.

PHẦN 2: SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ HỆ THỐNG GIÁ TRỊ CƠ BẢN

Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường giáo dục phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mỗi học sinh. Sản phẩm giáo dục của nhà trường là những công dân có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; tự tin, năng động, sáng tạo và hội nhập quốc tế

Tầm Nhìn

Xây dựng trường THPT Cô Tô trở thành trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn hạnh phúc; đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Giá trị cốt lõi

CÔNG HIẾN

Đề cao tinh thần công hiến không đợi trả ơn và hy vọng tinh thần cho đi sẽ thành những vòng tròn hồi quy tốt đẹp trong xã hội. Trưởng thành trong môi trường THPT Cô Tô, trở thành con người cống hiến chắc chắn học sinh của chúng ta sẽ hạnh phúc.

YÊU THƯƠNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Có tài mà không có đức thì vô dụng”. Kiến thức có thể tích lũy qua năm tháng nhưng thiếu đi trái tim nhân ái thì không gì bù đắp được. Trên hết mọi tiêu chuẩn đánh giá, chúng tôi tin tưởng chỉ khi thực sự có tình yêu thương trong từng hành động, suy nghĩ thì mọi thành tích mới trở nên trọn vẹn.

KỈ LUẬT

Không có kỉ luật, mọi dự định tốt đẹp chỉ là ý tưởng nửa vời. Bất cứ hành trình vĩ đại nào đều bắt đầu từ bước chân đầu tiên và càng kiên định chúng ta càng đi được xa. Vì vậy, chúng tôi xây dựng hun đúc mọi thành viên của đại gia đình THPT Cô Tô không chỉ có một trái tim nhân văn mà có ý chí kỉ luật thép để theo đuổi đến cùng đam mê, khát vọng tốt đẹp.

PHẦN 3: MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU.

3.1. Mục tiêu chiến lược

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập.

- Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh THPT Cô Tô, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

- Tích cực vận dụng nguồn lực xã hội hóa trong giáo dục để phối hợp tốt trong giáo dục nâng cao cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Thực hiện mô hình trường THPT Cô Tô: “XANH - SẠCH - ĐẸP - AN TOÀN - HẠNH PHÚC”.

3.2. Mục tiêu cụ thể.

3.2.1. Nhà trường

- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đoàn kết, yêu thương, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Giữ vững danh hiệu Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trường đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” trở lên.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị các phòng bộ môn bao gồm: phòng bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Tin, Ngoại ngữ để phục vụ tốt nhất cho giảng dạy và học tập.

- Giữ vững nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1. Phấn đấu đến cuối năm 2024 đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

Mục tiêu	Giai đoạn 2021-2023	Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2025-2026
Xây dựng CSVC	Hoàn thiện phòng mái chống nóng; sửa chữa xong nhà để xe, nhà đa năng.	Nâng cấp tường bao quanh trường; đổ bê tông đường chạy xung quanh trường	Sửa chữa nhà trường tổng thể.
Xây dựng đội ngũ	Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB, GV, NV theo kế hoạch của ngành.	100% đội ngũ có trình độ chuẩn. 12 % trên chuẩn	12 % giáo viên có trình độ trên chuẩn.
Chất lượng GD	Đảm bảo chung chất lượng	Đứng trong top đơn vị dẫn đầu bậc THPT khối các Huyện trong tỉnh; đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2	Đứng trong các đơn vị dẫn đầu bậc THPT các khối Huyện trong tỉnh.
Danh hiệu thi đua	Lao động tiên tiến .	Nhận cờ Thi đua của UBND tỉnh hoặc Bộ	Bằng khen của UBND tỉnh hoặc Bộ

3.2.2. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Cán bộ quản lý nhà trường (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) phải đạt trình độ đào tạo trên chuẩn; đạt xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng từ khá trở lên; đạt trình độ B1 về ngoại ngữ trở lên, đạt chứng chỉ tin học cơ bản; luôn nói, làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

- Giáo viên trong nhà trường phải đạt chuẩn trình độ đào tạo là 100%, mỗi giáo viên là một nhà sư phạm thật sự về phẩm chất và năng lực chuyên môn, lấy nhân cách của mình ra để dạy trò, được trang bị đủ điều kiện để thực hiện dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới và chương trình giáo dục phổ thông mới. Có 90% giáo viên được xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp.

- Tất cả giáo viên, nhân viên đều biết một ngoại ngữ và sử dụng được máy vi tính trong công tác và học tập; được bồi dưỡng nâng cao nhận thức, được trang bị trình độ lý luận chính trị. Nhân viên phải có trình độ nghiệp vụ chuẩn theo nhiệm vụ được phân công.

- Từng bước xây dựng đội ngũ phải đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực thi quan điểm dạy học hiện đại, hướng đến người học, phát huy được năng lực và phẩm chất tập đối với từng học sinh (Giáo viên phải đạt và vượt chuẩn sư phạm, tâm huyết với công việc dạy học, luôn thương yêu học sinh, am hiểu tâm lý học sinh, tổ chức hướng dẫn học sinh hoạt động để học tập tốt).

- Chất lượng đội ngũ:

* Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Thạc sỹ: tỷ lệ 8.6%

Đại học: tỷ lệ 91.1%

* Trình độ lý luận chính trị:

Cao cấp LL: 4.3 %

Trung cấp LL: tỷ lệ: 26 %

* Trình độ tin học:

Chứng chỉ B: tỷ lệ: 100%

* Trình độ tay nghề của giáo viên:

Giỏi tỷ lệ: 80%

Khá : tỷ lệ: 20%

Giáo viên giỏi cấp Tỉnh: 10 %

* Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp:

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đạt từ khá trở lên.

Giáo viên, Đạt từ Khá trở lên, > 30 % đạt loại tốt

3.2.3. Đối với học sinh:

Học lực từ năm 2021-2022 đến 2025-2026

Năm học	THPT							
	Số lớp	Số HS	Giỏi	%	Khá	%	Đạt	%
2021-2022	9	218	34	16	122	56	61	28
2022-2023	9	234	37	16	131	56	65	28
2023-2024	9	240	38	16	134	56	67	28
2024 - 2025	9	250	42	17	140	56	67	27
2025 - 2026	9	269	45	17	150	56	72	27

Hạnh kiểm từ năm 2021-2022 đến 2025-2026

Năm học	THPT							
	Số lớp	Số HS	Tốt	%	Khá	%	TB	%
2021-2022	9	218	141	65	61	28	13	6
2022-2023	9	234	152	65	65	28	14	6
2023-2024	9	240	156	65	67	28	14	6
2024 - 2025	9	250	167	67	70	28	12	5
2025 - 2026	9	269	180	67	75	28	13	5

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT Quốc gia trên 95%.
- Tỷ lệ học sinh vào các trường đại học cao đẳng > 35%.
- Số học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh > 4 học sinh.
- Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học của học sinh. Giữ vững và từng bước nâng cao tỷ lệ học sinh giỏi văn hóa (> 15%).
- Nâng cao chất lượng công tác ôn luyện học sinh giỏi để duy trì và phấn đấu tất cả các môn tổ chức thi đều có học sinh dự thi cấp tỉnh.
- Cho học sinh làm quen với các cuộc thi nghiên cứu KHKT, cuộc thi sáng tạo kỹ thuật và đạt giải cấp cụm. Học sinh được tiếp cận với thực tế và học tập theo chuyên đề, được làm việc trong phòng thí nghiệm, thực hành.
- Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, nghệ thuật, kỹ năng sống, trải nghiệm, giao lưu... phù hợp với nguyện vọng của học sinh, đáp ứng nhu cầu giáo dục toàn diện.
- Giúp đỡ, dìu dắt ít nhất 40 đoàn viên học lớp dành cho đối tượng kết nạp đảng, kết nạp ít nhất 20 đảng viên là học sinh giai đoạn 2021-2025, với mục đích nhân rộng gương người tốt, việc tốt để thực hiện phương châm "lấy cái đẹp dẹp cái xấu".

PHẦN IV. CÁC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp thứ nhất: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong xây dựng kế hoạch nhà trường, duy trì và phát triển bền vững chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

1.1. Mục tiêu

Thực hiện nghiêm túc các đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong công tác giáo dục.

Thực hiện hiệu quả: Kế hoạch hành động số 2102/KH&SGDDĐT ngày 12/8/2020 về thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/05/2020 của Thủ tướng Chính phủ

ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 05/02/2018 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong mọi hoạt động của nhà trường (Giáo viên thấy được mình là chủ của nhà trường). Thể chế hoá bằng qui chế làm việc và phối hợp giữa các tổ chức, bộ phận và cá nhân; qui chế làm việc giữa cấp ủy với Hiệu trưởng, giữa Hiệu trưởng với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

1.2. Nội dung thực hiện

- Thực hiện thành công Nghị quyết đại hội Chi bộ Lần thứ V nhiệm kỳ 2020- 2025.
- Thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020- 2025, với việc chuẩn bị cho chương trình giáo dục phổ thông mới, đưa ra điều kiện và chỉ tiêu cho giáo viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ (cao học, lí luận chính trị, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn, nghiệp vụ...).
- Triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược theo từng giai đoạn, từng năm học phù hợp với tình hình cụ thể và sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, của tỉnh và các cấp quản lí giáo dục với các mục tiêu và nội dung cụ thể. Xác định rõ vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng thành viên trong tập thể CB, GV, NV nhà trường. Lấy mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả các công việc được phân công cụ thể để đánh giá xếp loại đảng viên, cán bộ, viên chức hàng năm.
- Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục; người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.
- Chủ động xây dựng chương trình giáo dục của nhà trường. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo (có hướng dẫn bổ sung tại Công văn 5131/GDĐT-GDTrH ngày 01/11/2017); công văn số 2824/SGDĐT-GDTrH ngày 19/10/2017 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017- 2018 và các công văn chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học các năm học của Sở GD&ĐT; Công văn 2386/SGDĐT-GDTrH ngày 11/9/2020 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2020-2021; Công văn Số 2197/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2020 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh từ năm học 2020-2021. Xây dựng chương trình giáo dục theo đặc thù giáo viên và học sinh của trường. Linh hoạt, sáng tạo trong việc chuẩn bị nội dung, đảm

bảo đúng theo qui định về chuẩn kiến thức, kỹ năng, số lượng, thời lượng của mỗi môn học và tăng tính thực tiễn, tính ứng dụng trong kiến thức giảng dạy.

- Chỉ đạo tổ chuyên môn, các Đoàn thể xây dựng kế hoạch công tác, thực hiện mục tiêu. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn theo năm học, bám sát mục tiêu kế hoạch 5 năm của nhà trường và nội dung chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, nhà trường từng năm học. Kế hoạch phù hợp và phát huy được thế mạnh của giáo viên, học sinh và TBDH của nhà trường. Các Đoàn thể (Công Đoàn, Đoàn thanh niên, Hội LHTN...) cụ thể hóa những mục tiêu phát triển của nhà trường thành kế hoạch hoạt động, có chỉ tiêu cụ thể theo từng mặt hoạt động và từng giai đoạn. Có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Chỉ đạo làm tốt công tác thông tin và truyền thông để xây dựng hình ảnh nhà trường và góp phần đổi mới công tác truyền thông.

- Coi trọng công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong nhà trường, trước hết là trong đội ngũ giáo viên. Cấp ủy đảng phải thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân trên địa bàn để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giải quyết dứt điểm và không để xảy ra các hiện tượng tiêu cực, gây bức xúc trong nhà trường.

2. Nhóm giải pháp thứ hai: đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

2.1. Mục tiêu

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện khả năng tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh.

- Khuyến khích tự học, tạo cơ sở để học sinh tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực.

- Tổ chức hình thức học tập đa dạng, tổ chức các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng tiếp cận năng lực, phù hợp với định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

2.2. Nội dung thực hiện

2.2.1. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo dự án trong các môn học; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau.

- Xây dựng kế hoạch bài học gắn với đối tượng cụ thể, yêu cầu cụ thể theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học để đáp ứng mục tiêu học tập của học sinh; tiếp tục quán triệt tinh thần giáo dục tích hợp (STEM) trong việc thực hiện chương trình ở những môn học liên quan (Toán, Lí, Hóa, Sinh, Tin, Công nghệ...). Dạy học gắn với trải nghiệm sáng tạo, gắn với mục tiêu giáo dục cụ thể, khai thác tối đa các điều kiện thuận lợi và nguồn lực của địa phương. Tăng cường khai thác không gian trường học kết nối cho các hoạt động giáo dục.

- Đa dạng hóa các hình thức dạy học; ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường và cộng đồng.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học đối với học sinh; động viên học sinh tích cực tham gia Cuộc thi khoa học kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo trẻ.

- Kết hợp khai thác không gian trường học kết nối trong việc giao việc và hướng dẫn học sinh ở nhà. Giáo viên chủ nhiệm theo dõi và hỗ trợ học sinh trong việc tham gia không gian sinh hoạt của lớp; phối hợp với giáo viên bộ môn để hỗ trợ học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Xây dựng và sử dụng tủ sách lớp học, phát triển văn hóa đọc. Xây dựng câu lạc bộ khoa học, ngoại ngữ trong nhà trường.

- Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học. Quan tâm đến các tài liệu Lịch sử Đảng bộ huyện Cô Tô, Di tích lịch sử trên đảo như: trận đánh của Đại đội Ký con trên đảo Cô Tô; Khu di tích tượng đài Bác hồ.

2.2.2. Đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

- Tăng cường chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.

- Kế hoạch kiểm tra đánh giá của các tổ nhóm chuyên môn phải được lãnh đạo nhà trường phê duyệt. Nội dung, thời gian, hình thức, cấu trúc các bài kiểm tra viết thường xuyên, định kì phải được thống nhất trong mỗi khối lớp, đảm bảo công bằng trong kiểm tra đánh giá. Tránh tập trung nhiều bài kiểm tra viết các môn trong khoảng thời gian ngắn gây căng thẳng cho học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra định kì theo ma trận và bản đặc tả đã được hướng dẫn và tập huấn, viết câu hỏi phục vụ ma trận đề theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết; Thông hiểu; Vận dụng và Vận dụng cao.

- Kết hợp một cách hợp lí giữa hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra định kì.

- Tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

- Chỉ đạo cán bộ quản lí, giáo viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng "Trường học kết nối" về đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Thành lập tổ Khảo thí và xây dựng ngân hàng đề trong nhà trường hoặc liên kết thành nhóm trường để thực hiện nghiêm túc việc ra đề theo ma trận và bản đặc tả do bộ hướng dẫn. Tổ chức kiểm tra chung đối với các bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ của một số môn học.

- Công khai thời điểm kiểm tra đối với học sinh.

3. Nhóm giải pháp thứ ba: phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí

3.1. Mục tiêu

- Nâng cao nhận thức, bồi dưỡng tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để hiểu “giáo viên là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục nhà trường”.

- Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí. Phát huy khả năng tự bồi dưỡng, bồi dưỡng thường xuyên. Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm, ngoại ngữ, tin học, áp dụng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong đó có đổi mới chương trình, sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Bồi dưỡng giáo viên gắn với việc bố trí, sử dụng nhân lực có hiệu quả, phù hợp trong nhà trường.

3.2. Nội dung thực hiện

a. Nâng cao nhận thức của CB, GV, NV nhà trường

- Đẩy mạnh các nội dung tuyên truyền, giáo dục trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ công đoàn nhằm nâng cao nhận thức, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp của mỗi cán bộ, giáo viên. Xây dựng phong cách giáo viên của nhà trường: Thầy cô "đoàn kết, năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện”.

- CB, GV, NV nhà trường phải thấy được những ưu điểm của việc đổi mới, tích cực tham gia vào quá trình đổi mới và chuẩn bị sẵn tâm thế cho việc thay đổi chương trình, đổi mới SGK THPT đối với lớp 10 bắt đầu từ năm học 2022- 2023.

- Đa dạng hóa cách tiếp cận thông tin cần tuyên truyền, thông báo tới cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

- CB, GV, NV biết tuyên truyền vận động gia đình, người thân sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Biết lan tỏa cho đồng nghiệp biết lấy nhân cách của mình ra để dạy trò. Biết cách nhận biết và phòng tránh vi phạm pháp luật đặc biệt là chất gây nghiện và sử dụng mạng internet an toàn.

b. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

- Căn cứ theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên để đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ.

- Xây dựng kế hoạch hàng năm triển khai các hoạt động bồi dưỡng về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức; năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; bồi dưỡng năng lực quản lý đối với đội ngũ lãnh đạo tổ, nhóm chuyên môn... với các nội dung cụ thể đáp ứng yêu cầu đổi mới của từng năm học.

- Tăng cường các hình thức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy học và quản lý qua trang mạng "Trường học kết nối". Thực hiện đa dạng hóa, kết hợp một cách hiệu quả các hình thức bồi dưỡng: Bồi dưỡng thông qua dự giờ, thao giảng, sinh hoạt chuyên đề; đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường để giáo viên có nhiều điều kiện giao lưu, học hỏi; tăng cường các hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm; tăng cường hoạt động tự học, tự bồi dưỡng đối với mỗi cán bộ, giáo viên.

- Tổ chức cho giáo viên giao lưu gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm với các nhà giáo có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, trong đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi, trong công tác chủ nhiệm lớp, trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổ chức chuyên đề tại trường có mời các đồng chí giáo viên cốt cán trường bạn tham gia và tham gia các chuyên đề.

- Tổ chức thi GVDG cấp trường, động viên giáo viên tham gia các cuộc thi GVDG các cấp.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch mời các đồng chí giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh ở 3 đến 4 bộ môn ra dự giờ, hỗ trợ, rút kinh nghiệm đặc biệt ở các môn: Ngoại ngữ, Hóa, Lý. Mời cán bộ cốt cán nội dung: nghiên cứu khoa học kỹ thuật, trải nghiệm sáng tạo, STEM để hỗ trợ nhà trường trong ngày hội trưng bày sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật, STEM...

- Triển khai nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm theo quy định.

- Cử giáo viên tham gia đầy đủ các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, quản lý do Bộ, Sở tổ chức. Giới thiệu giáo viên giỏi tham gia cốt cán môn học với Sở GD&ĐT Quảng Ninh.

- Xây dựng kế hoạch, phân loại, xác định nhu cầu bồi dưỡng cho từng đối tượng giáo viên, nhân viên. Từ đó, xác định nội dung, cách thức bồi dưỡng đội ngũ sao cho họ vừa cập nhật được kiến thức mới vừa khắc phục được những hạn chế của bản thân trong quá trình công tác. Động viên giáo viên tham gia các khóa học có thể để đủ điều kiện dạy các môn: Công nghệ; Mỹ Thuật; Âm nhạc; Ngoại ngữ 2(chưa xây dựng phương án tuyển mới giáo viên tiếng dân tộc - ngoại ngữ 2 môn tự chọn không bắt buộc).

- Nghiên cứu viết sáng kiến kinh nghiệm, chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học để phục vụ giảng dạy và học tập. Mỗi CB, GV, NV nhà trường có ít nhất 01 SKKN trong năm học, đăng kí nội dung từ đầu các năm học.

- Tăng cường khả năng khai thác nguồn tài liệu, học liệu mở trên mạng internet, ứng dụng hiệu quả hơn nữa CNTT vào giảng dạy.

c. Thu hút giáo viên giỏi

- Thường xuyên rà soát tình hình đội ngũ giáo viên, xây dựng kế hoạch để bổ sung biên chế, đảm bảo đủ về số lượng, hợp lí về cơ cấu giáo viên theo từng bộ môn. Thu hút những giáo viên trẻ có kết quả học tập tốt, tâm huyết với nghề.

- Tạo điều kiện để giáo viên trẻ nâng cao trình độ, tạo môi trường thuận lợi để giáo viên trẻ có cơ hội thử sức và bộc lộ khả năng chuyên môn, nghiệp vụ.

d. Phát huy hiệu quả vai trò của tổ, nhóm chuyên môn

- Tăng cường hiệu quả của kế hoạch tổ, nhóm chuyên môn. Cụ thể hóa được các mục tiêu phát triển của nhà trường thành nhiệm vụ cụ thể của tổ, nhóm.

- Phát huy sức mạnh tập thể trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường để đảm bảo không trùng lặp về thời gian, nội dung giữa các môn học và các hoạt động giáo dục, chủ đề liên môn, bài học STEM, các hoạt động trải nghiệm,...

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; thực hiện có hiệu quả Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 và công văn số 141/BGDĐT-GDTrH ngày 12/01/2015 của Bộ GDĐT trong tổ chức sinh hoạt chuyên môn dựa trên “nghiên cứu bài học”. Tăng cường nội dung chuyên môn sâu trong các buổi sinh hoạt nhóm, tổ chuyên môn. Thực hiện các chuyên đề theo nhóm giáo viên với chủ đề là các phần kiến thức khó khai thác, các đề thi học sinh giỏi các cấp, trong và ngoài Tỉnh.

- Tăng cường việc dự giờ, trao đổi, góp ý lẫn nhau trong tổ, nhóm chuyên môn.

e. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên một cách hợp lí, phù hợp với điều kiện của nhà trường về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ Ngoại ngữ, Tin học, sử dụng và khai thác thiết bị dạy học hiện đại... để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Khuyến khích, động viên CB, GV nhà trường chủ động học tập, nâng cao trình độ Ngoại ngữ, Tin học để nâng cao nhận thức và tăng tính hiệu quả trong việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục, trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Cử CB, GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng Ngoại ngữ, Tin học theo kế hoạch.

- Mở các lớp bồi dưỡng sử dụng CNTT cơ bản cho CB, GV, NV nhà trường; các lớp tập huấn, hướng dẫn cán bộ quản lí, giáo viên nhà trường sử dụng thiết bị dạy học hiện đại.

- Nghiên cứu, học tập và từng bước sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học tích cực trong các giờ lên lớp, các hoạt động giáo dục học sinh.

- Trong trường hợp chưa bồi dưỡng được đội ngũ đủ điều kiện dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật có thể xin ý kiến sở GD&ĐT cho hợp đồng các đồng chí giáo viên THCS có bằng đại học.

f. Tăng cường và nâng cao hiệu quả giáo dục môn ngoại ngữ

Một là, nâng cao năng lực tiếng Anh cho đội ngũ GV, trong đó chú trọng hình thức tự học và tự bồi dưỡng về kỹ năng phát âm, kiến thức ngữ pháp, từ vựng; kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; đồng thời tích cực nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cũng như tăng cường sinh hoạt chuyên môn.

Hai là, nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh và KTĐG theo hướng phát triển năng lực học sinh, trong đó chú trọng nâng cao năng lực dạy học kết hợp với kiểm tra - đánh giá quá trình, đánh giá theo chuẩn đầu ra, thể hiện: phát triển chương trình dạy học và khai thác nguồn học liệu đảm bảo tính phân hóa về nhận thức, trình độ và đặc điểm tâm sinh lý của học sinh.

Thiết kế đa dạng và linh hoạt các hoạt động trong mỗi tiết học như warm up, vocabulary, grammar, listening, writing, reading, speaking... hoặc bài tập củng cố kiến thức, tổ chức trò chơi, các hoạt động để đánh giá kết quả học tập. Trong mỗi hoạt động, xác định được mục tiêu, nội dung, cách thức, điều kiện tổ chức; phương thức kiểm tra, đánh giá người học cũng như dự kiến các phương án có thể xảy ra. Lựa chọn và thiết kế phiếu học tập, tranh ảnh, video... phục vụ cho các hoạt động học tập. Chú trọng trang bị kiến thức về văn hóa, tập trung phát triển kỹ năng nghe, nói qua các hoạt động project, tổ chức dạy học phân hóa theo trình độ nhận thức và đặc điểm tâm lý của học sinh.

Bên cạnh sử dụng các phương pháp dạy học như trực quan, vấn đáp, thực hành..., GV cần áp dụng dạy học theo góc cho các giờ looking back, học theo dự án các tiết project; sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, động não trong các giờ phát triển kỹ năng nói và viết.

Đa dạng hóa môi trường học tiếng Anh thông qua các hình thức nhóm/cặp, cá nhân, toàn lớp, trò chơi học tập, sắm vai, sân khấu hóa... tạo sự đa dạng tương tác giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với học sinh, phát triển kỹ năng giao tiếp.

Song song với việc sử dụng các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ, giáo viên tăng cường đánh giá quá trình, kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò. Đánh giá quá trình trong tiết học dự án, sử dụng hồ sơ học tập, nhật ký học tập....

Ba là, rèn năng lực tự học tiếng Anh cho học sinh, trong đó, các giải pháp rèn năng lực tự học trên lớp như sử dụng ngôn ngữ đích (target language) bằng ngôn từ dễ hiểu để học sinh được quen với ngôn ngữ tiếng Anh; thiết lập và lưu giữ sổ từ vựng để ghi chép, lưu giữ từ mới, các thông tin liên quan; sử dụng phiếu ra/ vào lớp (admit and exit slips) để phản ánh về bài học/ bài tập đã học; sử dụng kỹ thuật Think- Pair- Share giúp học sinh suy nghĩ, thảo luận và chia sẻ về nội dung bài học. Các giải pháp nâng cao năng lực tự học ngoài lớp như dạy học dự án, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng nhật ký học tập...

Bốn là, xây dựng mô hình tiếng Anh cộng đồng ở trường như tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, góc tiếng Anh, cuộc thi và Gala tiếng Anh theo chủ đề, hoạt động ngoại khóa trong phạm vi toàn trường và lớp học với môi trường giao tiếp tiếng Anh tự nhiên như *Đuổi hình bắt chữ*, *Người truyền tin*, *Câu đố tiếng Anh*, *Sự đa dạng của tiếng Anh*, *Phá vỡ sự im lặng*, *Ghế nóng*... Tổ chức dạy học tiếng Anh qua mạng xã hội facebook, xây dựng mô hình thư viện đọc mở trong lớp học...

Năm là, tổ chức các chương trình trải nghiệm thực tế cho học sinh. Là một địa phương đang trên đà phát triển về du lịch, những chuyến đi thực tế tới các điểm du lịch giúp học sinh có cơ hội giao tiếp với du khách nước ngoài. Đây là biện pháp vô cùng hữu ích để học sinh thực hành nói tiếng Anh nâng cao trình độ bản thân.

4. Nhóm giải pháp thứ tư: nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho học sinh

4.1. Mục tiêu

- Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương, dân chủ trong nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước, phòng chống bạo lực học đường và phòng chống xâm hại trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả giáo dục môn ngoại ngữ.

- Xây dựng một tập thể học sinh đoàn kết, nhất trí, đồng tình và ủng hộ các chủ trương, đường lối phát triển nhà trường.

- Duy trì nề nếp học tập chăm chỉ, thái độ lễ phép của học sinh. Tăng cường khả năng chủ động học tập của học sinh.

- Kết nạp Đảng cho học sinh đủ 18 tuổi khi có đủ điều kiện lịch sử chính trị, hạnh kiểm tốt là học sinh giỏi văn hóa Cấp tỉnh, cán bộ lớp điển hình.

4.2. Nội dung thực hiện

a. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của Tỉnh và của ngành Giáo dục cho học sinh nhà trường dưới nhiều hình thức sinh động, làm cho học sinh dễ nhớ, dễ tiếp nhận.

- Phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể, đơn vị trong huyện như Huyện đoàn Cô Tô, Huyện đội Cô Tô, Công an huyện Cô Tô, viện kiểm sát, Tòa án, Phòng Tư pháp; Trung tâm Truyền thông và Văn hóa ... để tuyên truyền phổ biến pháp luật cho học sinh nhà trường (Luật giao thông, Luật an ninh mạng, Luật nghĩa vụ quân sự, ...) để học sinh biết cách phòng tránh vi phạm pháp luật đặc biệt là chất gây nghiện và sử dụng mạng an toàn, hướng tới xây dựng một môi trường lành mạnh, thân thiện và văn minh trong nhà trường.

- Tăng cường công tác nắm bắt tình hình tư tưởng của học sinh. Quan tâm, đối thoại với học sinh để khuyến khích, động viên học sinh mạnh dạn bộc lộ suy nghĩ,

trình bày quan điểm về các hoạt động giáo dục của nhà trường, về văn hóa ứng xử giữa thầy cô giáo với học sinh, giữa học sinh với học sinh.

- Xây dựng lộ trình, kịch bản để bồi dưỡng về tư tưởng chính trị cho học sinh là cán bộ lớp, học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh từ lớp 10,11. Lập danh sách đề nghị đi học lớp dành cho đối tượng đảng. Lập hồ sơ đề nghị kết nạp đảng cho những học sinh đủ điều kiện về lịch sử chính trị, tư tưởng chính trị và sinh trong khoảng từ 01/01 đến 30/4 của năm đủ 18 tuổi, với mục đích nhân rộng gương người tốt, việc tốt để thực hiện phương châm “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”.

b. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền giáo dục đạo đức thông qua những hoạt động vui tươi, hợp lứa tuổi, dễ tiếp cận với học sinh.

- Tăng cường kỷ cương, nề nếp, dân chủ trong trường học, tạo môi trường để học sinh tự rèn luyện, phấn đấu.

- Tiếp tục triển khai các nội dung xây dựng Trường học thân thiện - Học sinh tích cực thiết thực, chất lượng, hiệu quả trong nhà trường. Đây mạnh việc chăm sóc, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ huyện Cô Tô, chăm sóc hệ thống cây bóng mát trong nhà trường, vệ sinh khu vực bãi biển Tình yêu...

- Tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, trải nghiệm sáng tạo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh và học sinh; tăng cường tính giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới.

- Xây dựng và phát huy hiệu quả các phòng đọc, tủ sách lớp học... nhằm tạo điều kiện cho học sinh đọc sách, say mê, yêu quý sách.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa bộ môn để học sinh tham gia, bước đầu xây dựng khả năng tìm tòi, nghiên cứu khoa học. Động viên, khích lệ và hỗ trợ học sinh tham gia các cuộc thi tìm hiểu, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, thi sáng tạo trẻ... giúp các em tăng cường tích lũy vốn tri thức và tự tin hơn trong học tập và rèn luyện.

- Tổ chức các câu lạc bộ trong nhà trường như câu lạc bộ bộ môn ngoại ngữ, câu lạc bộ thể thao, câu lạc bộ STEM ... để thu hút sự hoạt động của học sinh. Thường xuyên tổ chức các chuyên đề Tiếng Anh, Tin học để nâng cao khả năng tự học của học sinh.

- Tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác quản lý, giáo dục học sinh.

Tăng cường công tác tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh.

c. Xây dựng nề nếp, phong cách học tập của học sinh

- Củng cố, ban hành Quy tắc ứng xử trong trường học nhằm xây dựng văn hóa trường học lành mạnh, thân thiện. Khơi dậy niềm tự hào là học sinh trường THPT Cô Tô, tăng khả năng tự học, chủ động tìm tòi kiến thức.

- Tổ chức học sinh gặp gỡ với những tấm gương học sinh tiêu biểu hàng năm có thành tích cao trong học tập, rèn luyện, các kỳ thi... từ đó làm động lực cho học sinh nhà trường.

- Làm tốt công tác quản lý, tuyên truyền giáo dục và phối hợp ngăn chặn hiệu quả tình trạng học sinh mâu thuẫn với nhau ở trong và ngoài trường học. Chỉ đạo từng lớp học chủ động đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo xây dựng lớp học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.

- Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên quan tâm, động viên học sinh, giữ vững nề nếp lớp học, xây dựng một tập thể lớp đoàn kết, gắn bó, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Quan tâm đặc biệt đến những học sinh ở xã Thanh Lâm để các em tham gia tất cả các hoạt động của lớp như các học sinh khác.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về đời sống vật chất, tình cảm của gia đình học sinh. Quan tâm đến những học sinh có đặc biệt về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh sống... Cùng với các Đoàn thể quan tâm, động viên những học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Xây dựng phong cách học sinh trường THPT Cô Tô: "đoàn kết, năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện có trách nhiệm" và hãy *"Hãy trung thực đừng dối trá, hãy vị tha đừng vị kỷ, hãy hòa đồng đừng đố kỵ, hãy cao thượng đừng thấp hèn, hãy độc lập suy nghĩ đừng a dua bầy đàn, hãy nói lời thanh cao đừng buông câu tục tũ"*

5. Nhóm giải pháp thứ năm: đổi mới công tác quản lý trong nhà trường

5.1. Mục tiêu

- Đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục trong nhà trường.

- Củng cố vững chắc chất lượng giáo dục của nhà trường, nâng cao năng lực công tác của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đồng thời tăng tính hiệu quả trong công việc.

- Xây dựng sự thống nhất ý chí, sự đoàn kết, phối hợp công tác nhịp nhàng giữa các Đoàn thể, bộ phận trong nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc công tác tài chính. Đảm bảo chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường theo các văn bản của Nhà nước đã ban hành.

- Không để xảy ra các sai phạm trong công tác quản lý, trong dạy học và giáo dục... tăng cường công tác kiểm tra trong nhà trường.

5.2. Nội dung thực hiện

a. Xây dựng mối quan hệ thống nhất trong Ban giám hiệu và các Đoàn thể dưới sự chỉ đạo của chi bộ Đảng

- Cấp ủy chi bộ chỉ đạo toàn diện, thống nhất bám sát các mục tiêu phát triển theo nghị quyết.

- Ban giám hiệu, Công Đoàn, Đoàn TN, Hội LHTN đảm bảo tính thống nhất trong việc xác định mục tiêu. Phối hợp nhịp nhàng và phát huy vai trò là đầu mối quan trọng của nhà trường, kết nối với các đơn vị chỉ đạo ngành dọc để thực hiện các nhiệm vụ phát triển của ngành và địa phương.

- Tổ chức giao ban hàng tháng giữa BGH và đại diện các Đoàn thể, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm để đánh giá kết quả thực hiện và triển khai kế hoạch.

b. Phát huy tính dân chủ, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cán bộ giáo viên

- Nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của CB, GV, NV đối với chất lượng giáo dục của nhà trường, tạo sự đồng thuận, duy trì sự đoàn kết trong tập thể.

- Tăng cường việc phân cấp quản lý, giao quyền chủ động quyết định cho cán bộ, giáo viên khi được phân công nhiệm vụ, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và dân chủ trong thực hiện kế hoạch.

- Bố trí lịch họp, giao ban hợp lý, thường kỳ để cùng trao đổi, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và triển khai công việc.

- Tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên phát huy được năng lực, sở trường khi nhận nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên tạo điều kiện để cán bộ giáo viên nhân viên có dịp để gặp gỡ, trao đổi chuyên môn và các ý kiến khác nhằm tăng cường tính tương tác giữa tập thể và mỗi cá nhân.

- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi, chế độ cho CB, GV, NV, tạo cơ hội để tập thể giáo viên chia sẻ khó khăn, cùng phát triển.

c. Tổ chức, sắp xếp công việc hiệu quả, chuyên nghiệp, khoa học của hệ thống quản lý, điều hành

- Thực hiện sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trong trường theo tinh thần tinh giản hiệu quả ổn định và bền vững.

- Ban giám hiệu nhà trường đảm nhiệm toàn bộ việc quản lý, điều hành, sắp xếp kế hoạch, theo dõi quá trình thực hiện và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ các bộ phận và của giáo viên.

- Các tổ/nhóm trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện trong tổ nhóm có sự phê duyệt của ban giám hiệu nhà trường và chịu trách nhiệm trước ban giám hiệu nhà trường về các hoạt động của tổ/nhóm mình.

- Tăng cường việc quản lý nề nếp, giám sát việc thực hiện giờ ra, vào lớp, thời khóa biểu của giáo viên thông qua bộ phận trực ban làm căn cứ xếp thi đua cuối tháng và cuối kỳ; Thư ký hội đồng giáo dục nhà trường tổng hợp, báo cáo với Ban giám hiệu về kết quả hoạt động theo tháng.

- Chuyên môn hóa việc tổ chức các kì thi, các kì kiểm tra. Thành lập tổ khảo thí để tăng cường sự chuyên nghiệp trong việc xây dựng, sử dụng và quản lý ngân hàng đề cũng như tổ chức các kì thi, kiểm tra.

- Khai thác ứng dụng hiệu quả CNTT cho công tác quản lý chung, quản lý việc dạy và học, quản lý cơ sở vật chất, TBDH, lưu trữ hồ sơ.

- Chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Tăng cường sử dụng phần mềm máy tính trong việc quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sắp xếp thời khoá biểu, quản lý thư viện trường học.

d. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường

- Lập kế hoạch kiểm tra nội bộ khoa học và có tính khả thi. Kết hợp hài hòa các hình thức kiểm tra và nội dung kiểm tra cho phù hợp theo từng năm học. Sau khi kiểm tra cần nghiêm túc rút ra bài học kinh nghiệm để điều chỉnh quá trình quản lý nhà trường.

- Lựa chọn những giáo viên có năng lực trình độ, nghiệp vụ sư phạm tốt và có uy tín trong tập thể nhà trường để tham gia Ban kiểm tra nội bộ. Trong kiểm tra hoạt động sư phạm cần đánh giá đúng thực chất giáo viên theo đúng các văn bản hướng dẫn góp phần nắm vững chất lượng đội ngũ, phân loại giáo viên sát thực, ngăn ngừa những biểu hiện vi phạm quy chế chuyên môn và có những điều chỉnh kịp thời.

- Phát huy vai trò của Hội đồng trường, Ban Thanh tra nhân dân trong việc giám sát các hoạt động của nhà trường đảm bảo dân chủ, minh bạch.

- Kiểm tra đột xuất giờ dạy qua hình thức dự giờ, kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học.

- Nâng cao chất lượng quản lý hồ sơ sổ sách. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng; đồng thời tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự kiểm tra, đánh giá của tổ, nhóm chuyên môn.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm, không để tình trạng dạy thêm, học thêm sai quy định, thực hiện nghiêm các qui định về quản lý dạy thêm học thêm.

- Kiên quyết xử lý bằng nhiều hình thức tùy mức độ vi phạm sau kiểm tra, tuyên dương khen thưởng động viên kịp thời các cá nhân và tập thể thực hiện tốt nhiệm vụ.

e. Quản lý chặt chẽ tài chính, đảm bảo quyền lợi của giáo viên và học sinh

- Xây dựng cơ chế thu chi hợp lý và thực hiện tốt việc công khai, minh bạch. Thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ, yêu cầu của cơ quan quản lý.

- Sử dụng nguồn kinh phí ngân sách hiệu quả, đúng qui định và nguyên tắc tài chính. Kết hợp với các nguồn kinh phí huy động từ công tác xã hội hóa giáo dục để bổ sung, tăng cường kịp thời cơ sở vật chất.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ sổ sách trong quản lý tài chính, tài sản đúng qui định của nhà nước. Thực hiện việc tự kiểm kê tài chính, tài sản đúng qui định, đúng thời gian.

- Xây dựng và thực hiện qui chế chi tiêu nội bộ bảo đảm tính dân chủ, minh bạch, công khai trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả. Quan tâm phân tài chính hợp lý để hỗ trợ phục vụ cho hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Sắp xếp lao động hợp lý theo từng vị trí việc làm để hạn chế tối đa việc phải chi trả từ ngân sách cho diện lao động hợp đồng ngắn hạn, thừa giờ, tiết kiệm chi trong ngân sách để có thêm phần hỗ trợ cho CB, GV, NV.

- Thực hiện việc công khai chất lượng giáo dục và sự giám sát của xã hội với chất lượng, hiệu quả giáo dục và việc thực hiện các quy định về dạy thêm học thêm, quy chế 3 công khai, quy định về xã hội hóa, tiêu chuẩn đánh giá học sinh.

- Tổ chức hiệu quả việc dạy thêm học thêm trong nhà trường theo đúng qui định để bồi dưỡng kiến thức cho học sinh vừa đáp ứng nguyện vọng học tập của HS, vừa phát huy được năng lực chuyên môn của giáo viên đồng thời góp phần tăng thêm thu nhập chính đáng cho CBGV bằng chính năng lực chuyên môn của mình.

- Đảm bảo quyền lợi và chăm lo đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tạo động lực tối đa để các cá nhân cống hiến.

6. Nhóm giải pháp thứ sáu: bổ sung, quản lý hiệu quả việc khai thác, sử dụng CSVC-TBDH

6.1. Mục tiêu

- Bổ sung hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu.
- Hệ thống hóa các TBDH theo từng khối lớp, môn học.
- Tăng cường việc quản lý, giám sát việc khai thác hiệu quả phục vụ giảng dạy và học tập.

6.2. Nội dung thực hiện

a. Bổ sung và khai thác CSVC, trang thiết bị cho công tác quản lý

- Đẩy mạnh việc lưu giữ hồ sơ, tài liệu, tiếp nhận công văn chỉ đạo và văn bản điều hành qua hệ thống thư điện tử.
- Triển khai và trao đổi thông tin giữa nhà trường và giáo viên, học sinh qua hệ thống mạng internet để tiết kiệm chi phí và thời gian.
- Triển khai việc chấm bài trắc nghiệm, xử lý, tính toán điểm kiểm tra của học sinh bằng phần mềm.

b. Tăng cường việc xây dựng và khai thác CSVC-TBDH cho hoạt động giảng dạy và học tập

- Khai thác tối đa các CSVC-TBDH đã được trang bị trong quá trình dạy học.
- Tổ chức các chuyên đề cấp trường có nội dung nhằm nâng cao khả năng khai thác TBDH ở các môn học.
- Chỉ đạo và phân công cho các đoàn thể phối hợp tổ chức các cuộc thi thiết kế, làm đồ dùng dạy học, thực hành thí nghiệm đối với giáo viên và học sinh.
- Tăng cường việc giám sát để kịp thời hỗ trợ giáo viên trong quá trình khai thác TBDH.
- Tổ chuyên môn cùng với nhân viên phụ trách phòng học bộ môn thống kê và rà soát thường kỳ các thiết bị của bộ môn mình về các bài thực hành, thí nghiệm, tranh

ảnh, đồ dùng dạy học của bộ môn. Tăng cường công tác quản lý các phòng học bộ môn (Lý, Hoá, Sinh, Tin học, ngoại ngữ...), tổ chức các giờ học thí nghiệm thực hành đạt kết quả. Bổ sung và nâng cao chất lượng phòng truyền thống nhà trường đáp ứng yêu cầu phục vụ có hiệu quả cho giáo viên và học sinh.

- Nâng cao kỹ năng sử dụng, khai thác thiết bị công nghệ, các phần mềm dạy học và soạn giảng (*Trình độ tin học, sử dụng máy chiếu, khai thác tài nguyên mạng, lắp ráp, tiến hành thí nghiệm...*)

- Hưởng ứng phong trào thiết kế, tự làm TBDH để bổ sung cho những thiết bị còn thiếu hoặc chưa tối ưu trong giảng dạy.

- Các khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo luôn sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi.

- Xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c. Xây dựng và khai thác thư viện trường, xây dựng thư viện điện tử

- Tuyên truyền và khuyến khích học sinh tự đọc, tự tìm hiểu và tham khảo tài liệu hỗ trợ cho các môn học và tài liệu nâng cao kiến thức toàn diện.

- Giáo viên bộ môn cập nhật và giới thiệu những tài liệu, sách, báo ở thư viện liên quan với kiến thức bài học tới học sinh ở các lớp.

- Ứng dụng một số phương pháp dạy học hiện đại, tổ chức học sinh theo nhóm hoàn thành các bài tập lớn, chủ động tìm hiểu kiến thức dựa trên các tài liệu, sách tham khảo có sẵn ở thư viện trường.

- Tổ chức giới thiệu các cuốn sách, các tác phẩm văn hóa hay qua các buổi sinh hoạt tập thể hàng tuần, hệ thống phát thanh và bảng tin để học sinh tìm hiểu.

- Nghiên cứu, triển khai hệ thống thư viện điện tử phục vụ nhu cầu học tập và giảng dạy của nhà trường từ năm học 2021 - 2022.

d. Quản lý chặt chẽ, bổ sung và sửa chữa kịp thời CSVC

- Nhân viên quản lý thiết bị theo dõi, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sử dụng và bảo quản CSVC-TBDH của giáo viên và học sinh.

- Đánh mã số cho các loại thiết bị (tranh ảnh, bản đồ, đồ dùng thí nghiệm...) để thuận tiện cho việc sắp xếp, mượn-trả và quản lý.

- Bổ sung, sửa chữa máy vi tính phòng Tin học để tiến hành kiểm tra kết quả học tập học sinh trên máy với một số môn học.

7. Nhóm giải pháp thứ bảy: thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, khuyến khích giáo viên và học sinh

7.1. Mục tiêu

- Triển khai mạnh mẽ các phong trào thi đua trong nhà trường, làm động lực để các tập thể và cá nhân thực hiện tốt kế hoạch, nhiệm vụ.

- Động viên khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động.

- Huy động các nguồn lực để động viên, khích lệ các đồng chí giáo viên, các em học sinh đạt thành tích cao, gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

7.2. Nội dung thực hiện

a. Công tác thi đua, khen thưởng đối với giáo viên

- Xây dựng qui chế thi đua khen thưởng trong nhà trường một cách cụ thể, có tính khả thi, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên trong hội đồng giáo dục nhà trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn bình xét thi đua theo từng tháng một cách nghiêm túc, gửi kết quả về ban thi đua nhà trường để làm căn cứ xét thi đua học kì, cuối năm học.

- Nhà trường phối hợp với Công đoàn xây dựng kế hoạch thi đua trong năm học theo các chủ đề, theo sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo một cách cụ thể, rõ ràng.

- Hướng ứng các phong trào thi đua của ngành, của các đoàn thể có hiệu quả.

- Phát huy hơn nữa tính kế hoạch trong việc đăng ký, viết và thẩm định đề tài sáng kiến kinh nghiệm các cấp.

- Xây dựng cơ chế khen thưởng xứng đáng cho những giáo viên có thành tích cao, đặc biệt là trong các hoạt động hướng dẫn học sinh tham gia dự thi nghiên cứu khoa học kĩ thuật, cuộc thi sáng tạo trẻ, trong công tác ôn luyện và bồi dưỡng học sinh giỏi, thi GVDG các cấp...

- Đảm bảo tính công bằng, khách quan trong việc đánh giá và khen thưởng.

b. Khuyến khích, tăng cường động lực học tập đối với học sinh

- Xây dựng qui chế thi đua khen thưởng đối với học sinh phù hợp, có tính khích lệ, động viên trong các hoạt động.

- Nâng cao chất lượng và giám sát chặt chẽ phong trào thi đua giữa các lớp. Hàng tuần, nêu tấm gương học sinh tiêu biểu.

- Trao thưởng cho học sinh đạt danh hiệu học sinh Tiến tiến, học sinh Giỏi các cấp, học sinh đạt giải trong các kỳ thi VHVN- TDTT...

- Xây dựng một cơ chế hỗ trợ cho những học sinh nghèo có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện.

8. Nhóm giải pháp thứ tám: tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục

8.1. Mục tiêu

- Có sự gắn kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội hiệu quả, đặc biệt là về nhận thức, thống nhất những biện pháp giáo dục học sinh với nhà trường.

- Nâng cao chất lượng học sinh đầu vào. Định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THSC, THPT và góp phần đáp ứng nhu cầu tuyển sinh tại chỗ của các trường CĐ, ĐH trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tạo nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương là phát triển du lịch và nghề biển.

- Phối hợp, liên kết nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Khai thác cơ sở vật chất, TBDH trong việc giảng dạy và bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Tăng cường tuyên truyền, huy động mọi nguồn lực tham gia vào hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng trường lớp, đầu tư trang thiết bị.

8.2. Nội dung thực hiện

a. Phối hợp với CMHS và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể trên địa bàn

- Tiếp tục hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ban đại diện CMHS và nhà trường trong thông tin giáo dục, quản lý học sinh, khen thưởng và xử lý kỉ luật học sinh; Đổi mới công tác phối hợp với cha mẹ học sinh để định hướng tư vấn nghề nghiệp, phân luồng cho học sinh THPT.

- Mỗi năm học, có kế hoạch tổ chức Hội nghị giáo dục triển khai việc phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể trên địa bàn để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh.

b. Phối hợp với phòng GD&ĐT Cô Tô, các trường THCS trên địa bàn thực hiện tốt việc phân luồng, nâng cao chất lượng học sinh đầu vào, chất lượng mũi nhọn.

- Phối hợp chặt chẽ với phòng GD&ĐT trong việc xây dựng chiến lược phát triển giáo dục trên địa bàn huyện Cô Tô, các trường THCS trên địa bàn, để nâng cao chất lượng đại trà, nâng cao chất lượng tuyển sinh lớp 10 thông qua các hoạt động giáo dục kết hợp như tổ chức các cuộc thi hoặc thông qua các cuộc thi do Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT tổ chức để phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

- Cùng định hướng, phân luồng tư vấn học sinh sau khi tốt nghiệp THCS để tăng chất lượng thí sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh lớp 10. Định hướng cho các em có học lực trung bình và có nhu cầu đăng ký học nghề tại Trung tâm GDNN&GDTX huyện Cô Tô.

c. Tăng cường mối quan hệ với các trường THPT trong Tỉnh

Tăng cường mối quan hệ với các trường THPT có thành tích cao, có cán bộ cốt cán trong từng lĩnh vực Văn hóa; nghiên cứu KHKT; dạy học STEM...trong tỉnh để nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên.

d. Xã hội hóa nâng cao chất lượng CSVS, TBDH, chất lượng đội ngũ và bồi dưỡng học sinh

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện xã hội hóa giáo dục, xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội trong việc tham gia hoạt động giáo dục.

- Tổ chức các hoạt động, phong trào tạo động lực trong việc huy động tiềm năng của cộng đồng để phát triển giáo dục.

- Huy động sự đóng góp về tài chính, vật lực của các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn, các nhà tài trợ để góp phần vào việc nâng cao chất lượng dạy và học.

- Thực hiện các cuộc thi về thiết bị dạy học tự làm. Cuối năm có tổng kết đánh giá để khen thưởng các tổ chức, cá nhân làm các TBDH có hiệu quả.

9. Nhóm giải pháp thứ chín: tăng cường công tác truyền thông và thông tin

9.1. Mục tiêu:

- Làm tốt hơn nữa công tác truyền thông và thông tin nhằm nâng cao nhận thức, làm rõ các chủ trương, chính sách cũng như những chỉ đạo, điều hành của Sở GD&ĐT và của nhà trường về giáo dục và đào tạo để xã hội hiểu đúng, ủng hộ và chia sẻ với các hoạt động của nhà trường, của ngành. Từ đó, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của xã hội, các cấp, các ngành, lãnh đạo địa phương trong việc thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
- Xây dựng cụ thể chi tiết kế hoạch truyền thông và thông tin trong nhà trường.
- Tập huấn, trao đổi để: tăng kỹ năng viết tin; cấu trúc viết tin; kỹ thuật chụp ảnh; xử lý khủng hoảng truyền thông; cách ứng xử với báo chí.

9.2. Nội dung thực hiện:

- Hiệu trưởng nhà trường là người phát ngôn chính thức của trường Trường THPT Cô Tô để phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí đối với các nội dung liên quan đến hoạt động của nhà trường. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng hoặc các cá nhân trong nhà trường phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí liên quan đến lĩnh vực được giao phụ trách. Người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về nội dung trả lời báo chí trước Hiệu trưởng và trước pháp luật.

- Tổ chức thực hiện các hình thức truyền thông đa dạng, phong phú: Đăng tải các văn bản trên Website; trên fanpage của nhà trường; facebook của đoàn thanh niên, của công đoàn; gửi qua địa chỉ Email của các cán bộ, giáo viên, nhân viên; niêm yết công khai; phổ biến, lồng ghép nội dung trong sinh hoạt chào cờ đầu tuần, các cuộc họp; truyền thông qua tổ chức các chuyên đề, các câu lạc bộ... Công khai Thời khóa biểu; Lịch công tác tháng, Lịch công tác tuần; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp; các văn bản chỉ đạo, điều hành của trường lên Website của trường.

- Nâng cao chất lượng trang Website của trường. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Công đoàn, các tổ chuyên môn mỗi tháng có ít nhất 01 bài viết đăng tải trên Website của trường. Bài viết được gửi vào địa chỉ Email của trường (c3coto.quangninh@moet.edu.vn). Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm về nội dung trang Website của trường, duyệt các bài viết trước khi đăng. Bí thư đoàn trường chịu trách nhiệm đăng tải và tổng hợp hàng tháng việc thực hiện viết bài của các tổ chức, cá nhân theo quy định; lập dự toán kinh phí phục vụ công tác truyền thông; lưu trữ hồ sơ về công tác truyền thông phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra.

- Đối với Đoàn trường: Phối hợp xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cho đoàn viên thanh niên với nhiều hình thức như: Mỗi tuần ít nhất có 01 - 02 chương trình phát thanh trước sinh hoạt 15p để tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cho đoàn viên thanh niên; nêu gương các điển hình đoàn viên thanh niên tiên tiến...; mỗi buổi chào cờ có 01 - 02 tiết mục để tuyên truyền (Kể chuyện về Bác Hồ; hùng biện về các chủ đề; hát múa ca ngợi trường, quê hương, đất nước; tiểu phẩm...). Truyền thông về công tác bảo đảm an ninh, an toàn trường học; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước. Mỗi năm, phối hợp với các tổ chuyên môn có ít nhất có 3 số báo viết Bảng tin chung của trường.

- Đối với Công đoàn: Phối hợp tham mưu xây dựng và tuyên truyền, tổ chức thực hiện quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường; quy chế làm việc; thực hiện kỷ luật kỷ cương hành; tuyên truyền về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”...

- Mỗi tổ chức, đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng cử một người kiêm nhiệm phụ trách công tác truyền thông. Người đứng đầu các tổ chức có trách nhiệm thực hiện công tác truyền thông các nội dung trong Kế hoạch trên đến các thành viên để triển khai thực hiện. Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có trách nhiệm truyền thông các nội dung trên đến phụ huynh, học sinh đối với các lớp chủ nhiệm, giảng dạy.

- Văn phòng tham mưu cho Hiệu trưởng công tác truyền thông về quản lý, công khai thu - chi tài chính, chế độ chính sách, công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực để tăng cường CSVC trường lớp học. Phối hợp với Đoàn trường tham mưu lập kinh phí phục vụ cho công tác truyền thông trình Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện.

PHẦN V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện chiến lược

1.1. Giai đoạn 1 (Từ năm 2021 đến 2023)

- Thực hiện đồng thời 9 nhiệm vụ và giải pháp trong Chiến lược. Trong đó ưu tiên các giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; đổi mới công tác quản lý trong nhà trường; nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho học sinh và công tác truyền thông và thông tin.

- Tiếp tục giữ vững và phát huy các kết quả đã đạt được từ những năm học trước. Tăng cường bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, trình độ chính trị, Ngoại ngữ, Tin học và việc sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại trong nhà trường. Tổ chức, sắp xếp công việc hiệu quả, chuyên nghiệp, khoa học của hệ thống quản lý, điều hành. Giữ vững nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- Chuẩn bị và thực hiện tốt công tác triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Tự đánh giá kết quả triển khai thực hiện chiến lược giai đoạn 1. Trên cơ sở tự đánh giá, Ban chỉ đạo phân công kiểm tra, đối chiếu với hoạt động thực tế để có kết luận và rút kinh nghiệm.

1.2. Giai đoạn 2 (Từ 2023 đến 2025)

- Thực hiện việc điều chỉnh các kế hoạch trên cơ sở tự đánh giá kết quả sau thực hiện giai đoạn 1.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đã xây dựng, điều chỉnh.

- Nâng cao chất lượng dạy học, đẩy mạnh việc ôn luyện học sinh giỏi các cấp. Tiếp tục chú ý đến giáo dục toàn diện học sinh, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo

dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho học sinh nhà trường.

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới một cách chủ động.
- Phần đầu nhà trường đạt Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

1.3. Giai đoạn 2025-2026 tầm nhìn đến 2030

Phần đầu nhà trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2, đạt cờ thi đua của Bộ GD&ĐT.

2. Phân công trách nhiệm thực hiện chiến lược

Đơn vị chủ trì thực hiện chiến lược: Trường THPT Cô Tô. Trong đó, phân công trách nhiệm đối với các thành viên như sau:

2.1. Hiệu trưởng – Bí thư chi bộ

- Chịu trách nhiệm chung trong việc triển khai chiến lược, đồng thời chịu trách nhiệm cụ thể hoá chiến lược phát triển của nhà trường trong kế hoạch từng năm học, chỉ đạo thực hiện và tạo nguồn lực cho việc triển khai hiệu quả các kế hoạch cụ thể, tuyển dụng và bố trí nguồn nhân lực...

- Đề xuất với Sở GD&ĐT các nội dung liên quan đến vấn đề tài chính, tuyển dụng, tiếp nhận GV,...

- Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược (gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn trường, các Tổ trưởng chuyên môn, văn phòng) để xây dựng các kế hoạch cụ thể cho từng nội dung của Chiến lược và giám sát thực hiện Chiến lược. Ban Chỉ đạo tổ chức họp sơ kết, tổng kết đánh giá tiến độ, hiệu quả thực hiện từng nội dung cụ thể của chiến lược; nghiên cứu, điều chỉnh các nội dung cho phù hợp (nếu cần thiết).

2.2. Phó hiệu trưởng – Phó bí thư phụ trách công tác phát triển đảng

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng nội dung cụ thể của Chiến lược. Đồng thời, chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất các giải pháp thực hiện.

- Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, tiến hành rà soát các kết quả đạt được so với mục tiêu của Chiến lược để tiếp tục có biện pháp triển khai phù hợp, tham mưu, đề xuất các nội dung phải điều chỉnh.

- Xây dựng lộ trình khoa học hợp lý để thực hiện tốt công tác phát triển đảng như kế hoạch đã đề ra.

2.3. Tổ trưởng chuyên môn

- Phát huy năng lực của cá nhân, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định; luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu tổ chuyên môn trong thực hiện nhiệm vụ.

- Kịp thời tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động giáo dục; kiện toàn đội ngũ giáo viên của tổ đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định; quy hoạch, cử GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

- Tổ chức và tham gia công tác bồi dưỡng cho GV trong tổ; kèm cặp, hướng dẫn,

giúp đỡ GV trong công tác tự bồi dưỡng.

- Giúp hiệu trưởng nhà trường thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên.

2.4. Giáo viên

- Cố gắng phát huy năng lực của bản thân, nêu cao tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, luôn định hướng hoàn thiện bản thân để xây dựng phong cách cho học sinh trường THPT Cô Tô "đoàn kết, năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện có trách nhiệm", từ đó hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện tốt việc tự đánh giá theo chuẩn GV để từ đó xây dựng và thực hiện kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, phát triển các năng lực nghề nghiệp, đáp ứng mục tiêu đề ra về chất lượng đội ngũ giáo viên.

- Cố gắng, tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Chủ động, tích cực tham gia các phong trào thi đua, tham gia hội thi GV dạy giỏi các cấp, đăng kí và phấn đấu đạt được các danh hiệu thi đua.

- Phân tích nhận định đánh giá đúng năng lực của mình sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với các đồng chí có thể dư thừa khi thực hiện chương trình GDPT mới.

2.5. Bộ phận Văn phòng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, chú trọng các biện pháp để khắc phục các tồn tại; phối hợp và tổ chức phân công cán bộ nhân viên; sử dụng các phương tiện, thiết bị cho khâu quản lý hồ sơ, sổ sách, sách giáo khoa hợp lý, khoa học; kiểm tra đánh giá xếp loại, rút kinh nghiệm từng bộ phận kịp thời, chính xác, kịp tiến độ công việc chung của trường.

- Tài vụ: Cân đối các nguồn tài chính, tham mưu với Hiệu trưởng lập kế hoạch và huy động kinh phí cho việc thực hiện Chiến lược.

2.6. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể.

Phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên nhà trường để triển khai hiệu quả các nội dung:

- Giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ CBGVNV; vận động CBGVNV nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ.

- Đảm bảo các chế độ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên; đề xuất các hình thức khen thưởng để kịp thời động viên, khuyến khích CB, GV, NV.

- Tổ chức các hoạt động tập thể của giáo viên.

2.7. Phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường

Tuyên truyền vận động các cha mẹ học sinh cùng phối hợp với nhà trường thực hiện nhiệm vụ của chiến lược và các hoạt động giáo dục học sinh.

3. Dự kiến thuận lợi, khó khăn

3.1. Thuận lợi

- Việc thực hiện nội dung đề xuất của Chiến lược sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ.

- Kỷ luật kỷ cương trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc.

- Đáp ứng được các yêu cầu về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Chuẩn bị sẵn tâm thế cho thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ theo hướng hiện đại hóa và hội nhập để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục toàn diện học sinh.

3.2. Khó khăn

- **Ảnh hưởng đối với học sinh:** Học sinh phải chủ động tích cực trong học tập và tham gia các hoạt động giáo dục.

- Mất nhiều thời gian hơn trong việc chuẩn bị các nội dung học ở nhà theo sự hướng dẫn của giáo viên.

Cần xác định rõ mục tiêu, động cơ học tập để học để rèn thành người có ích cho xã hội.

- **Ảnh hưởng đối với giáo viên**

Giáo viên bị áp lực hơn trong công việc, dành thời gian nhiều để tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, thay sách giáo khoa, việc sử dụng thiết bị hiện đại, học thêm Ngoại ngữ, Tin học...

Ngoài chuyên môn giáo viên phải tăng cường nghiệp vụ sư phạm, các kỹ năng mềm, công tác tư vấn hướng nghiệp, quản lý học sinh... trong các hoạt động giáo dục ngoại khóa, trải nghiệm...

Giáo viên phải chủ động trong việc tự học, tự bồi dưỡng, tự soi, tự sửa để lấy phẩm chất, lấy năng lực, lấy nhân cách của mình dạy học sinh.

Có sự rà soát phân công lại công việc dẫn đến tâm lý không hài lòng, thoải mái ở một số bộ phận cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Giáo viên sẽ gặp khó khăn khi phải đi đào tạo lại và không biết có phù hợp với khả năng của mình đặc biệt với bộ môn mỹ thuật, ngoại ngữ 2.

PHẦN VI. KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

1. Kiến nghị

1.1. Đối với UBND tỉnh, Sở GD&ĐT Quảng Ninh và các Sở, Ban, Ngành liên quan

- Sở GD&ĐT sớm có hướng dẫn để các trường có phương án, lộ trình phù hợp nhất trong công tác bồi dưỡng nhân lực phục vụ cho trường trình giáo dục phổ thông mới.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo cho việc thực hiện chương trình GDPT mới.

1.2. Đối với Huyện ủy Huyện Cô Tô

- Huyện ủy, UBND Huyện Cô Tô dành sự quan tâm nhiều hơn nữa để xây dựng và phát triển trường THPT Cô Tô thành một cơ sở giáo dục vững mạnh toàn diện.

- Chỉ đạo, đầu tư xây dựng để hoàn thiện về CSVC cho nhà trường (con đường vào trường).

1.3. Đối với Phòng GD&ĐT huyện Cô Tô.

- Định hướng và chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn thường xuyên trao đổi, phối hợp với trường THPT Cô Tô phát hiện và bồi dưỡng nhân tố học sinh có năng khiếu, bồi dưỡng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thực hiện tốt các mục tiêu của nhiệm vụ giáo dục.

Tăng cường, đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng giáo dục mũi nhọn đặc biệt ở các môn Ngoại ngữ, các môn khoa học tự nhiên và các hoạt động trải nghiệm.

2. Kết luận

Giáo dục góp phần nâng cao dân trí ở mọi quốc gia, dân tộc. Phát triển giáo dục luôn là một động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, là điều kiện phát huy nguồn nhân lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và thực tiễn phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương vùng biển đảo trong điều kiện hiện đại hóa và hội nhập là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng trong việc định hướng phát triển trường THPT Cô Tô nói riêng và ngành GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh nói chung. Trên cơ sở phân tích, đánh giá những kết quả giáo dục của trường THPT Cô Tô đã đạt được và nghiên cứu nội dung của hệ thống văn bản chỉ đạo của TW Đảng, Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Tỉnh ủy Quảng Ninh, UBND Tỉnh Quảng Ninh và Sở GD&ĐT Quảng Ninh về thực hiện việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới và thực tiễn phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh của địa phương vùng biển; tôi đưa ra 09 giải pháp cơ bản. Nội dung chủ yếu của các giải pháp

này bao gồm: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, duy trì và phát triển bền vững chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới; đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh ; phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho học sinh; đổi mới công tác quản lý trong nhà trường; bổ sung, quản lý hiệu quả việc khai thác, sử dụng CSVC-TBDH; thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, khuyến khích giáo viên và học sinh; tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục; tăng cường công tác truyền thông và thông tin. Hướng đến sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân huyện đảo. Giáo dục học sinh phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, xây dựng phong cách học sinh trường THPT Cô Tô: "đoàn kết, năng động, sáng tạo, hào sảng, lành mạnh, văn minh, thân thiện có trách nhiệm".
